

**UBND TỈNH CÀ MAU
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU**



BÁO CÁO GIỮA KỲ

**Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục
và kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng
(Giai đoạn: 2024 – 2026)**

Cà Mau, năm 2026

Số: /BC-ĐHBL

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO GIỮA KỲ
Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục
và kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục

Thực hiện quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học; căn cứ vào báo cáo đánh giá ngoài và Nghị quyết số 69/NQ-HĐKĐCLGD ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục - Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc Gia TP HCM, Trường Đại học Bạc Liêu báo cáo giữa kỳ như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Sứ mạng: Trường ĐHBL là cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học chất lượng cao; cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao, có khả năng phát triển tự thân, triển khai ứng dụng và làm việc trong môi trường cạnh tranh. Trường giữ vai trò nòng cốt trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, trong đó lĩnh vực kinh tế, công nghệ thông tin, nuôi trồng thủy sản, văn hóa du lịch và giáo dục chất lượng cao là thế mạnh, đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước cũng như hội nhập quốc tế.

2. Tầm nhìn: Trường ĐHBL hướng đến trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng; ĐT nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng cho sự phát triển KT-XH của vùng bán đảo Cà Mau và khu vực ĐBSCL. Trường sẽ là một địa chỉ tin cậy về ĐT, NCKH và đổi mới sáng tạo; là môi trường hấp dẫn đối với các nhà đầu tư; góp phần đắc lực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ gìn an ninh quốc phòng và phát triển hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

3. Mục tiêu: Phát triển Trường Đại học Bạc Liêu trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng, giữ vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái giáo dục - khoa học - đổi mới sáng tạo của tỉnh Cà Mau và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đến năm 2030, Trường Đại học Bạc Liêu đạt nền tảng phát triển vững chắc theo mô hình cơ sở giáo dục đại học tự chủ, bảo đảm chất lượng đào tạo, từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ gắn với nhu cầu thực tiễn.

4. Các chính sách và hoạt động bảo đảm chất lượng

Nhà trường cam kết không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường học thuật tích cực, giàu trải nghiệm thực tiễn nhằm nuôi dưỡng nhân cách, phát huy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và hội nhập quốc tế của người học. Nhà trường tuân thủ và thực hiện tốt các nguyên tắc đảm bảo chất lượng (ĐBCL); duy trì và liên tục cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong trên nền tảng tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của quốc gia và quốc tế; phát triển văn hóa chất lượng; có trách nhiệm giải trình và công khai, minh bạch các điều kiện ĐBCL, đáp ứng kịp thời yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao.

Về đội ngũ: Tổng số viên chức và người lao động đang làm việc tại Trường Đại học Bạc Liêu là 217 người. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Trường Đại học Bạc Liêu hiện có 01 Phó Giáo sư, 33 Tiến sĩ, 127 Thạc sĩ, 42 người trình độ đại học và 15 người trình độ cao đẳng trở xuống. Trong thời gian qua, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Bạc Liêu đã có bước phát triển nhất định, từng bước được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy ở quy mô hiện tại. Một số giảng viên đã tham gia nghiên cứu khoa học, công bố kết quả nghiên cứu và tham gia các hoạt động chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Về cơ sở vật chất: Trường hiện có 02 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất là 4,018ha. Diện tích đất bình quân trên một sinh viên của Trường đạt 19,87m²/sinh viên. Hệ thống cơ sở vật chất gồm giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện và các công trình phụ trợ cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo hiện tại.

Về đào tạo: Hiện nay Trường Đại học Bạc Liêu đang duy trì tổ chức giảng dạy 11 ngành trình độ đại học và 01 ngành trình độ cao đẳng, với khoảng 2.800 sinh viên. Công tác tuyển sinh trong 03 năm gần nhất đã ghi nhận những tín hiệu khởi sắc với tỷ lệ sinh viên nhập học có sự tăng trưởng qua từng năm, đạt bình quân khoảng 800 sinh viên/năm. Các chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra, từng bước gắn với nhu cầu sử dụng lao động của địa phương. Hiện tại, Trường đã hoàn thành kiểm định chất lượng 01 CTĐT ngành Quản trị kinh doanh.

Về nghiên cứu khoa học: Loại hình, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH đều cho thấy sự tiến bộ tích cực. Các chỉ số về nghiên cứu khoa học như xuất bản, công bố khoa học trong nước, quốc tế... tăng dần theo từng năm học. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm ngày càng gắn kết chặt chẽ với hoạt động đào tạo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường nói chung. Các hội thảo khoa học, các hội nghị công bố kết quả nghiên cứu khoa học thường xuyên được phối hợp tổ chức tại Trường tạo nên hiệu ứng rất tích cực.

Về hoạt động phục vụ cộng đồng, Trường cũng cho thấy những thành tựu nhất định. Nhiều hoạt động tình nguyện, thiện nguyện như “Mùa hè xanh”, “Tiếp sức đến trường”, “Hiến máu nhân đạo”, “Mái ấm công đoàn” và nhiều hoạt động hỗ trợ nhân

dân khắc phục thiên tai, dịch bệnh đã được Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức thực hiện, tạo nên hiệu ứng tích cực. Các hoạt động chuyển giao KHCN bước đầu được triển khai thông qua quan hệ hợp tác giữa Nhà trường, doanh nghiệp và địa phương, điển hình là mô hình “Nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh có sử dụng chế phẩm sinh học trong hồ nuôi thủy sản HDPE KN94”, “ Mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực tại huyện Hồng Dân”, hay “Trồng dưa Kim Long, Huỳnh Long trong nhà lưới”, hứa hẹn sẽ nâng cao vị thế của trường Đại học Bạc Liêu trong cộng đồng.

5. Thời điểm được công nhận: 28/12/2023

6. Tên tổ chức Kiểm định chất lượng giáo dục: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

1. Kết quả chung việc thực hiện đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí			Ghi chú <i>(Đối với tiêu chí sau khi cải tiến chất lượng có thay đổi kết quả so với ĐGN: nêu văn tắt lý do)</i>
	TĐG	ĐGN	CSGD tự xác định kết quả đạt được sau khi thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng (tính đến thời điểm báo cáo)	
Mục 1: ĐBCL về chiến lược	4,34	3,98	3,98	
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	4,40	3,80	3,80	
Tiêu chí 1.1	5	4	4	
Tiêu chí 1.2	4	3	3	
Tiêu chí 1.3	5	4	4	
Tiêu chí 1.4	4	4	4	
Tiêu chí 1.5	4	4	4	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	4,25	4,00	4,00	
Tiêu chí 2.1	4	4	4	

Tiêu chí 2.2	5	4	4	
Tiêu chí 2.3	4	4	4	
Tiêu chí 2.4	4	4	4	
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	4,75	4,00	4,00	
Tiêu chí 3.1	5	4	4	
Tiêu chí 3.2	5	4	4	
Tiêu chí 3.3	5	4	4	
Tiêu chí 3.4	4	4	4	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	4,50	4,00	4,00	
Tiêu chí 4.1	5	4	4	
Tiêu chí 4.2	5	4	4	
Tiêu chí 4.3	4	4	4	
Tiêu chí 4.4	4	4	4	
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	4,50	4,00	4,00	
Tiêu chí 5.1	5	4	4	
Tiêu chí 5.2	5	4	4	
Tiêu chí 5.3	4	4	4	
Tiêu chí 5.4	4	4	4	
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	4,00	4,00	4,0	
Tiêu chí 6.1	4	4	4	
Tiêu chí 6.2	4	4	4	
Tiêu chí 6.3	4	4	4	
Tiêu chí 6.4	4	4	4	
Tiêu chí 6.5	4	4	4	
Tiêu chí 6.6	4	4	4	
Tiêu chí 6.7	4	4	4	
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	4,60	4,00	4,00	
Tiêu chí 7.1	5	4	4	
Tiêu chí 7.2	5	4	4	
Tiêu chí 7.3	5	4	4	
Tiêu chí 7.4	4	4	4	
Tiêu chí 7.5	4	4	4	
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	4,00	4,00	4,00	
Tiêu chí 8.1	4	4	4	
Tiêu chí 8.2	4	4	4	

Tiêu chí 8.3	4	4	4	
Tiêu chí 8.4	4	4	4	
Mục 2: ĐBCL về hệ thống	3,89	3,78	4,00	
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	4,67	3,83	4,00	
Tiêu chí 9.1	5	4	4	
Tiêu chí 9.2	5	4	4	
Tiêu chí 9.3	5	4	4	
Tiêu chí 9.4	5	4	4	
Tiêu chí 9.5	4	4	4	
Tiêu chí 9.6	4	3	4	Đã ban hành bộ KPIs; các chỉ tiêu về ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025 đều đạt, trừ chỉ tiêu KĐCL cấp CTĐT.
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	4,00	3,75	4,00	
Tiêu chí 10.1	5	4	4	
Tiêu chí 10.2	4	4	4	
Tiêu chí 10.3	4	4	4	
Tiêu chí 10.4	3	3	4	Đã thiết lập cụ thể quy trình TĐG trong quy chế ĐBCLGD 2024
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	3,50	3,75	4,00	
Tiêu chí 11.1	4	4	4	
Tiêu chí 11.2	4	4	4	
Tiêu chí 11.3	3	4	4	
Tiêu chí 11.4	3	3	4	Quy định bảo mật hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được ban hành và tổ chức thực hiện.
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	3,80	3,80	4,00	
Tiêu chí 12.1	4	4	4	
Tiêu chí 12.2	4	4	4	
Tiêu chí 12.3	4	4	4	
Tiêu chí 12.4	4	4	4	
Tiêu chí 12.5	3	3	4	Quy định so chuẩn, đối sánh được rà

				soát, cập nhật và ban hành mới năm 2025
Mục 3: ĐBCL về thực hiện chức năng	4,22	3,91	4,04	
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	4,2	4,0	4,0	
Tiêu chí 13.1	5	4	4	
Tiêu chí 13.2	4	4	4	
Tiêu chí 13.3	4	4	4	
Tiêu chí 13.4	4	4	4	
Tiêu chí 13.5	4	4	4	
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	4,2	4,0	4,0	
Tiêu chí 14.1	5	4	4	
Tiêu chí 14.2	4	4	4	
Tiêu chí 14.3	4	4	4	
Tiêu chí 14.4	4	4	4	
Tiêu chí 14.5	4	4	4	
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	4,60	4,4	4,4	
Tiêu chí 15.1	5	5	5	
Tiêu chí 15.2	4	5	5	
Tiêu chí 15.3	5	4	4	
Tiêu chí 15.4	5	4	4	
Tiêu chí 15.5	4	4	4	
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	4,25	4,0	4,0	
Tiêu chí 16.1	5	4	4	
Tiêu chí 16.2	4	4	4	
Tiêu chí 16.3	4	4	4	
Tiêu chí 16.4	4	4	4	
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	4,00	3,75	4,0	
Tiêu chí 17.1	4	4	4	
Tiêu chí 17.2	4	4	5	Tổ chức nhiều hoạt động kỹ năng mềm, hướng nghiệp và hỗ trợ tâm sinh lý cho SV phù hợp với thế hệ gen Z
Tiêu chí 17.3	4	4	4	
Tiêu chí 17.4	4	3	3	

Tiêu chuẩn 18	4,50	3,75	4,0	
Tiêu chí 18.1	5	4	4	
Tiêu chí 18.2	4	3	4	- Trường đã ban hành Quy định và thành lập các tổ chức, nhóm NCKH tiềm năng - Xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030
Tiêu chí 18.3	4	4	4	
Tiêu chí 18.4	5	4	4	
Tiêu chuẩn 19	3,75	3,75	4,0	
Tiêu chí 19.1	4	4	4	
Tiêu chí 19.2	4	4	4	
Tiêu chí 19.3	3	3	4	Đã xây dựng báo cáo đánh giá công tác quản lý TSTT giai đoạn 2021-2025
Tiêu chí 19.4	4	4	4	
Tiêu chuẩn 20	4,0	3,75	4,0	
Tiêu chí 20.1	4	4	4	
Tiêu chí 20.2	4	4	4	
Tiêu chí 20.3	4	3	4	Trong báo cáo hoạt động quan hệ đối ngoại hàng năm nhà trường đã rà soát đánh giá để phân loại các đối tác có thể tiếp tục duy trì hợp tác và đề xuất dừng hợp tác với đối tác chưa hiệu quả (xem phụ lục báo cáo)
Tiêu chí 20.4	4	4	4	
Tiêu chuẩn 21	4,50	3,75	4,0	
Tiêu chí 21.1	5	4	4	
Tiêu chí 21.2	5	4	4	
Tiêu chí 21.3	4	3	4	Trường đã khảo sát lấy ý kiến các BLQ để đánh giá kết quả hoạt động kết nối và PVCD.

				- Ban hành bộ chỉ số hoạt động chính, quy định so chuẩn đối sánh làm công cụ đo lường và đánh giá
Tiêu chí 21.4	4	4	4	
Mục 4: Kết quả hoạt động	3,90	3,79	4,00	
<i>Tiêu chuẩn 22</i>	4,0	4,0	4,25	
Tiêu chí 22.1	4	4	5	- Kế hoạch đào tạo của trường đã bổ sung tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ thôi học của tất cả CTĐT. - Trường đã mở rộng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả CTĐT trong và ngoài trường. - Có bổ sung các biện pháp nhằm giảm tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn.
Tiêu chí 22.2	4	4	4	
Tiêu chí 22.3	4	4	4	
Tiêu chí 22.4	4	4	4	
Tiêu chuẩn 23	3,83	3,67	4,0	
Tiêu chí 23.1	5	4	4	
Tiêu chí 23.2	3	4	4	
Tiêu chí 23.3	4	4	4	
Tiêu chí 23.4	4	4	4	
Tiêu chí 23.5	4	3	4	Trường xây dựng được quy định về quản lý và sử dụng quỹ phát triển KHCN
Tiêu chí 23.6	3	3	4	- Trường đã thành lập Phòng Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tư vấn việc làm.

					- Nâng cao tính hệ thống trong quản lý và đánh giá hoạt động KHCN và đẩy mạnh ứng dụng CNTT: Hệ thống quản lý đề tài, sáng kiến, giáo trình và LLKH; Phần mềm quản lý kết quả NCKH; Trang thông tin và quản lý tạp chí khoa học
Tiêu chuẩn 24		3,75	3,50	3,75	
Tiêu chí 24.1		4	4	4	
Tiêu chí 24.2		4	4	4	
Tiêu chí 24.3		4	3	4	- Xây dựng báo cáo và kế hoạch kết nối và PVCĐ hàng năm và thực hiện việc đối sánh với các trường Đại học khác.
Tiêu chí 24.4		3	3	3	
Tiêu chuẩn 25		4,0	4,0	4,0	
Tiêu chí 25.1		4	4	4	
Tiêu chí 25.2		4	4	4	
Đánh giá chung	Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên	103	97	108	
	Tỷ lệ %	92,79	87,39	98,18	
	Số tiêu tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên	20	13	23	
	Tỷ lệ	80,0	52,0	92,0	
	Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm	0	0	0	
	Tỷ lệ	0	0	0	

2. Kết quả cải tiến chất lượng theo từng tiêu chuẩn (Theo phụ lục đính kèm)

Nơi nhận:

- Cục QLCL-Bộ GDĐT;
- Trung tâm KĐCLGD-ĐHQG HCM;
- Lưu: VT, Phòng ĐBCL&TT.

HIỆU TRƯỞNG

KẾT QUẢ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC THEO TỪNG TIÊU CHUẨN
(Kèm theo Báo cáo số /BC-DHBL ngày tháng năm 2026 của Trường Đại học Bạc Liêu)

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
Mục 1: ĐBCL về chiến lược					
Tiêu chuẩn 1	3,80	Xây dựng kế hoạch, chương trình tập huấn, hướng dẫn, khuyến khích và đầu tư kinh phí để đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo TN, SM, thể hiện TLGD và GTCL một cách đồng bộ.	- Ngay khi kết thúc hoạt động KĐCLGD cấp CSGD năm 2024, Trường Đại học Bạc Liêu đã chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN, trong đó mục tiêu trọng tâm là nâng cao chất lượng các mặt hoạt động ĐT, NCKH và PVECĐ [H1.01.01]. Hơn nữa, hằng năm Nhà trường đều thực	- Tăng cường tập huấn, hướng dẫn triển khai các hoạt động theo TN, SM, thể hiện TLGD và GTCL	- Phòng TC&HC tham mưu triển khai; thường xuyên.

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			hiện tổng kết đánh giá năm học, đề xuất phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo (có giao KPIs cụ thể cho các đơn vị/các mặt hoạt động) nhằm đảm bảo thực hiện TN, SM, thể hiện TLGD và GTCL một cách đồng bộ [H1.01.02]. - Bên cạnh đó, nhằm hỗ trợ đội ngũ CB, GV, nhiều hoạt động/chương trình tập huấn về ĐT, NCKH, PVCD, chuyển đổi số, khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, ứng dụng AI... đã được triển khai trong giai đoạn 2024-2026 [H1.01.03]. Một số quy định, chính sách mới như bộ chỉ số hoạt động chính (KPIs), quy định rà soát, cập nhật CTĐT, quy chế hoạt động KHCN, quy chế chi tiêu nội bộ...được ban hành mới đề hướng dẫn, khuyến khích, nâng cao chất lượng các mặt hoạt động [H1.01.04]. - Trong giai đoạn 2024-2026, nhiều dự án quan trọng như cải tiến CSCV,		

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			hạ tầng thông tin được triển khai và đẩy mạnh thực hiện [H1.01.05]. Ngoài ra, kinh phí chi đầu tư cho các mặt hoạt động của Nhà trường cũng tăng qua từng năm [H1.01.06]. Bên cạnh đó, phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030, trong đó cụ thể cơ cấu thu-chi, đã được Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện.		
		Quá trình xây dựng kế hoạch ở các đơn vị nên có sự giám sát, hỗ trợ và đánh giá hiệu quả triển khai để các BLQ hiểu rõ mối liên hệ giữa các nội dung về TN, SM và GTCL với hoạt động dạy và học.	Việc giám sát lập kế hoạch và đánh giá hiệu quả triển khai ở các đơn vị được giao cho Phòng TC&HC [H1.01.07]. Theo đó, hằng năm, căn cứ kế hoạch của các đơn vị thuộc trường, Phòng TC&HC thực hiện tổng hợp đăng ký chỉ tiêu năm học cho toàn trường (bảng thống kê KPIs) làm cơ sở đánh giá thực hiện và xếp loại các đơn vị cuối năm [H1.01.08]. - Ngoài ra, căn cứ khoản 2 điều 4 quy định thanh tra và kiểm tra nội bộ Trường Đại học Bạc Liêu, hằng năm, Phòng ĐBCL&TT [H1.01.09] có trách	Xây dựng quy trình giám sát và đánh giá hiệu quả triển khai thực hiện kế hoạch của các đơn vị thuộc trường.	Phòng TC&HC; năm học 2026-2027

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			nhiệm tham mưu triển khai thanh tra, kiểm tra việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, các quy chế chuyên môn, hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác, công tác tổ chức cán bộ... - Hằng năm, bên cạnh việc xây dựng báo cáo tổng kết năm học và tổ chức hội nghị VC-NLĐ, Nhà trường còn thực hiện báo cáo công khai và báo cáo chuẩn CSGD [H1.01.10] để các BLQ bên ngoài có thể tiếp cận đầy đủ theo quy định.		
		Tổ chức lấy ý kiến của các BLQ ngoài Trường ở diện rộng hơn trong quá trình rà soát, chỉnh sửa bổ sung các nội dung TN, SM, GTCL, TLGD.	Hiện nay, Đề án phát triển Trường Đại học Bạc Liêu giai đoạn 2026-2030 đang trong quá trình triển khai xây dựng. Theo kế hoạch, Nhà trường sẽ triển khai lấy ý kiến đóng góp từ các Sở, Ngành trong tỉnh cho dự thảo kế hoạch chiến lược, trước khi trình UBND tỉnh Cà Mau góp ý trực tiếp và phê duyệt [H1.01.11], nhằm đảm bảo	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2026-2030, trong đó có TN, SM, GTCL, TLGD.	- Ban biên soạn - Hoàn thành trong Quý III/2026

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			phù hợp mục tiêu chiến lược của tỉnh nhà.		
		Xây dựng quy trình riêng, định kỳ thực hiện rà soát và cải tiến TN, SM, GTCL, TLGD của Trường.	Thực tế, từ năm 2020 Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng, rà soát, cập nhật kế hoạch chiến lược (QT.ĐBCL.KHCL-01), trong đó bao gồm điều chỉnh, cải tiến TN, SM, GTCL [H1.01.12]. Hiện nay việc xây dựng chiến lược phát triển trường giai đoạn 2026-2030 đang trong quá trình triển khai (như đã nêu trên).		
Tiêu chuẩn 2	4,00	Nên có cơ chế rà soát để nhiệm vụ trọng tâm năm học của các đơn vị, tổ chức gắn kết chặt chẽ với mục tiêu chiến lược.	- Như đã mô tả ở TC1, Nhà trường giám sát, đảm bảo nhiệm vụ trọng tâm năm học của các đơn vị gắn kết chặt chẽ với mục tiêu chiến lược thông qua cơ chế giám sát lập kế hoạch năm học và đánh giá hiệu quả triển khai dựa trên báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị [H2.02.01]. - Ngoài ra, thông qua hoạt động so sánh, đối sánh hằng năm (bao gồm báo cáo chuẩn CSGD), kết quả các	Xây dựng quy trình giám sát và đánh giá hiệu quả triển khai thực hiện kế hoạch của các đơn vị thuộc trường.	Phòng TC&HC; năm học 2026-2027

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			mặt hoạt động, các chỉ tiêu phấn đấu chính của Nhà trường cũng giám sát, đánh giá, đảm bảo phù hợp mục tiêu chiến lược [H2.02.02].		
		Cần ban hành quy định và quy trình định kỳ rà soát, đánh giá, cải tiến hệ thống văn bản, quy chế, quy định.	Trường đã ban hành quyết định 426/QĐ-ĐHBL, ngày 27/5/2025, về Quy định rà soát văn bản nội bộ [H2.02.03]. Theo đó, các đơn vị trực thuộc Trường có trách nhiệm thường xuyên rà soát các văn bản quản lý nội bộ do đơn vị chủ trì soạn thảo hoặc liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và gửi kết quả rà soát tới Phòng ĐBCL&TT trước ngày 01 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, tham mưu.		
		Cần rà soát, phân tích, quản trị rủi ro để điều chỉnh kịp thời quy định, quy chế, quy trình ra quyết định, chuẩn bị, định hướng xây dựng các quy định	- Công tác phân tích, quản trị rủi ro là hoạt động định kỳ thông qua Báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện cơ chế tự chủ hằng năm [H2.02.04]. Ngoài ra, các chỉ số tài chính bao gồm chỉ số tăng trưởng bền vững và biên độ hoạt động trung bình 3 năm cũng được xác		

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		riêng trong bối cảnh tiến tới tự chủ tài chính theo lộ trình.	định trong Báo cáo chuẩn CSGD thường niên [H2.02.05]. - Trên cơ sở phân tích, quản trị rủi ro nêu trên, các quy chế chi tiêu nội bộ [H2.02.06], phương án tự chủ tài chính [H2.02.07] được điều chỉnh, bổ sung hay ban hành mới trong từng thời điểm cụ thể.		
		HĐT cần ban hành Quy chế tài chính.	Từ năm 2022 Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường được ban hành theo thẩm quyền của Hội đồng Trường [H2.02.08]. Hiện nay, do Hội đồng trường đã không còn, việc phê duyệt, ban hành quy chế tài chính thực hiện theo các quy định hiện hành.		
Tiêu chuẩn 3	4,00	Nghiên cứu xây dựng quy định công tác giám sát trong bối cảnh tự chủ ĐH, có sự tham gia của nhiều BLQ.	Để đảm bảo sự tham gia của các BLQ trong bối cảnh tự chủ ĐH, Nhà trường đã cập nhật, ban hành nhiều quy định quan trọng bao gồm quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế ĐT, quy chế hợp tác và hoạt động KHCN, quy định khảo sát ý kiến các BLQ [H3.03.01]...		

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			Đặc biệt, để tăng cường tính minh bạch trong hoạt động và đảm bảo sự giám sát của các BLQ, các quy định công khai, quy chế ĐBCLGD, quy định kiểm tra nội bộ, quy định tiếp công dân [H3.03.02]...đã được ban hành và tổ chức thực hiện.		
		Xây dựng kế hoạch dài hạn, kết nối với các BLQ ngoài trường để phối hợp, có thêm nguồn lực thực hiện các mục tiêu chiến lược, đặc biệt là các đối tác quốc tế, đối tác vùng.	Để kết nối với các BLQ bên ngoài nhằm tăng nguồn lực phát triển, Trường xây dựng kế hoạch quan hệ đối ngoại hàng năm và dự thảo kế hoạch đối ngoại giai đoạn 2025-2030 đang trong quá trình gửi góp ý các BLQ [H3.03.03]. Trên cơ sở đó, Phòng QLKH&QHĐN cụ thể kế hoạch năm học và triển khai các hoạt động ký kết, tổ chức xúc tiến hợp tác [H3.03.04]. Bên cạnh đó, các đơn vị trong trường (ĐT, ĐMST, hay các khoa chuyên môn), tùy theo chức năng nhiệm vụ của mình cũng xây dựng nội dung hợp tác trong kế hoạch năm học của mình [H3.03.05]. Kết	Đẩy mạnh triển khai các MOU đã ký	Phòng QLKH&QHĐN chủ trì tham mưu, các đơn vị phối hợp xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai cho từng năm học, bắt đầu từ năm 2026.

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			quả là, giai đoạn 2024-2026, trường đã triển khai rất nhiều MOU với các đối tác trong và ngoài nước [H3.03.06].		
		Bổ sung nhân sự lãnh đạo (Phó Hiệu trưởng), quản lý cấp trường phòng	Giai đoạn 2024-2026, Trường đẩy mạnh triển khai Đề án vị trí việc làm [H3.03.07]. Theo đó, đội ngũ nhân sự lãnh đạo, quản lý cấp phòng đã được bổ sung, kiện toàn đầy đủ, đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý của đơn vị [H3.03.08].	Tiếp tục triển khai kiện toàn Ban Giám hiệu	Phòng TC&HC tham mưu thực hiện trong giai đoạn 2026-2028.
		Tiến hành đánh giá hiệu quả để cải tiến hoạt động quản lý của các đơn vị được phân công nhiều mảng công việc.	- Việc đánh giá hiệu quả để cải tiến hoạt động quản lý của các đơn vị, đặc biệt là các đơn vị được phân công nhiều mảng công việc, được triển khai thông qua cơ chế báo cáo và đánh giá xếp loại hằng năm. Cụ thể, các đơn vị thực hiện báo cáo tổng kết năm, trong đó tự đánh giá mức độ đạt được KPIs của mình (PKIs đăng ký đầu năm trong kế hoạch của đơn vị) [H3.03.09]. Căn cứ kết quả của các đơn vị, Phòng TC&HC tham mưu		

Tiêu chuẩn	Kết quả KDCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KDCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá xếp loại đơn vị [H3.03.10]. - Bên cạnh đó, một số chỉ số hoạt động chính của các đơn vị được giám sát, đánh giá thông qua hoạt động so chuẩn, đối sánh và báo cáo chuẩn CSGD hằng năm [H3.03.11].		
Tiêu chuẩn 4	4,00	Xây dựng hệ thống tiếp nhận ý kiến của các BLQ để tiếp tục điều chỉnh Kế hoạch chiến lược một cách hiệu quả.	- Căn cứ quy trình QT.ĐBCL-KHCL-01 về xây dựng, rà soát và điều chỉnh KHCL [H4.04.01], Trường đang triển khai xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2035. Theo kế hoạch [H4.04.02], Tổ soạn thảo sẽ tổ chức tiếp thu ý kiến của toàn thể VC-NLĐ trong trường, đồng thời triển khai tham vấn các BLQ bên ngoài bao gồm Sở GD&ĐT và các Sở, Ngành có liên quan trước khi trình UBND tỉnh cho ý kiến và phê duyệt. - Ngoài ra, trong hoạt động thường	Tiếp tục đa dạng phương thức, mở rộng đối tượng tham vấn.	Định kỳ hằng năm.

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			xuyên, Trường triển khai thu thập ý kiến các BLQ để làm cơ sở cho các hoạt động cải tiến nói chung thông qua cơ chế thực hiện Quy định khảo sát lấy ý kiến các BLQ, Quy định tiếp công dân, Quy định về công tác SV, công tác cố vấn học tập và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H4.04.03].		
		Hướng dẫn các khoa xây dựng kế hoạch/chiến lược riêng để triển khai CLPT Trường, rà soát, đảm bảo kế hoạch công tác hằng năm của các đơn vị gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu trong CLPT Trường.	- Để đảm bảo triển khai chiến lược phát triển Trường, hằng năm, các đơn vị thuộc trường phải xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị mình, trong đó có KPIs cụ thể, gắn với kế hoạch chiến lược của trường [H4.04.04]. - Để định hướng công tác xây dựng kế hoạch của các đơn vị, kế hoạch năm học của Trường cũng cụ thể các chỉ tiêu liên quan đến các mặt hoạt động [H4.04.05]. Ngoài ra, Trường đã ban hành Bộ chỉ số hoạt động chính (KPIs) để hướng dẫn thiết lập chỉ tiêu	Hỗ trợ, hướng dẫn các khoa xây dựng kế hoạch dài hạn của đơn vị gắn với kế hoạch chiến lược của Nhà trường.	Phòng TC&HC phối hợp Phòng ĐBCL&TT; Quý IV năm 2026

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			năm học của các đơn vị [H4.04.06].		
		Hoàn thiện các chỉ tiêu phân đầu chính (KPIs) ở tất cả các mảng công tác.	Như đã mô tả ở trên, Trường đã ban hành Bộ chỉ số hoạt động chính (KPIs).		
		Tổng kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2025.	Trường đã thực hiện tổng kết đánh giá kết quả triển khai Chiến lược giai đoạn 2021-2025 [H4.04.07].		
Tiêu chuẩn 5	4,00	Xây dựng quy trình và triển khai giám sát, tự giám sát sự tuân thủ các chính sách của các đơn vị và cá nhân trong Trường.	Nhằm triển khai giám sát, tự giám sát sự tuân thủ các chính sách của các đơn vị và cá nhân trong Trường, quy định kiểm tra nội bộ đã được ban hành [H5.05.01]. Bên cạnh đó, quy chế tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo cũng được ban hành và tổ chức thực hiện nhằm kịp thời tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về các hành vi vi phạm pháp luật [H5.05.02]. Căn cứ các quy định, quy chế trên, các kế hoạch kiểm tra nội bộ, kế hoạch pháp chế được xây dựng và triển khai đồng bộ theo năm học [H5.05.03]. Trong khi đó,	Ban hành quy trình cụ thể về giám sát sự tuân thủ các chính sách của các đơn vị và cá nhân.	Phòng ĐBCL&TT; dự kiến hoàn thành trong tháng 9 năm 2026

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			hoạt động tiếp công dân được triển khai định kỳ theo lịch hàng tháng và được công bố rộng rãi đến các BLQ [H5.05.04].		
		Triển khai công tác khảo sát đầy đủ các BLQ về chính sách ĐT, NCKH và PVCD, đặc biệt là các BLQ bên ngoài (cựu NH, NTD, đối tượng thụ hưởng các hoạt động PVCD).	Hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ, đặc biệt là các BLQ bên ngoài, được Nhà trường triển khai thường xuyên, định kỳ theo quy định [H5.05.05]. Theo đó, hằng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức 8 hoạt động khảo sát trên các nhóm đối tượng khác nhau bao gồm, tân SV, SV đang học tại trường, cựu SV, đội ngũ GV và cán bộ hỗ trợ, đơn vị sử dụng lao động [H5.05.06]. Ngoài ra, quá trình rà soát, cập nhật các chính sách ĐT, NCKH và PVCD hay việc điều chỉnh, cập nhật CĐR, CTĐT đều có tham vấn các BLQ, đặc biệt là các chuyên gia và các tổ chức, cá nhân bên ngoài có liên quan [H5.05.07].	Đẩy mạnh khảo sát các BLQ đảm bảo số lượng và tính đại diện, đặc biệt đối với hoạt động PVCD; cải tiến hoạt động phân tích dữ liệu khảo sát theo hướng sâu và có hệ thống.	Phòng ĐBCL&TT và các Phòng, Khoa có liên quan; thường xuyên.
		Cần có kế hoạch tổ chức tập huấn các đơn	Hiện tại, Trường chưa triển khai được các kế hoạch cụ thể để tổ chức tập	Lập kế hoạch cụ thể tổ chức tập huấn các	Phòng TC & HC chủ trì

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		vị về việc xây dựng các chính sách, quy định và lập kế hoạch hoạt động cho các lĩnh vực ĐT, NCKH và PVCĐ.	huấn các đơn vị về việc xây dựng các chính sách, quy định và lập kế hoạch hoạt động cho các lĩnh vực. Thay vào đó, Nhà trường tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ hỗ trợ tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn về nghiệp vụ chuyên môn, hành chính, lý luận chính trị... gắn với vị trí việc làm [H5.05.08].	đơn vị, cá nhân phụ trách về việc XD các chính sách, quy định và lập kế hoạch các mặt hoạt động.	tham mưu xây dựng kế hoạch theo từng năm; bắt đầu từ năm học 2026-2027.
Tiêu chuẩn 6	4,00	Cần có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp phục vụ cho vị trí mà NLĐ đang phụ trách.	Như vừa mô tả bên trên, hằng năm Trường Đại học Bạc Liêu đều xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, trong đó bao gồm đào tạo, bồi dưỡng cho GV và đội ngũ cán bộ hỗ trợ, chuyên viên tại các đơn vị thuộc trường [H6.06.01]. Bên cạnh đó, tùy theo điều kiện cụ thể, trên cơ sở tham mưu, đề xuất của các đơn vị, Hiệu trưởng ra quyết định cử tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn cho VC-NLĐ [H6.06.02].		
		Cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực	- Hiện nay, các tiêu chí đánh giá kết quả công việc của GV được cụ thể	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng	Phòng TC & HC chủ trì

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		(KPIs) cho đội ngũ nhân viên, định lượng hóa các tiêu chí đánh giá kết quả công việc của CB, GV, NV.	trong quy định chế độ làm việc của GV [H6.06.03], theo đó định mức chế độ làm việc đối với GV hạng III là 586 giờ (giảng dạy 250, NCKH 200, PVCĐ 136). - Tuy nhiên, Trường chưa có bộ KPIs cụ thể để đánh giá đội ngũ nhân viên. Để giám sát hoạt động của đội ngũ này, Trường đã ban hành đề án vị trí việc làm [H6.06.04]. Căn cứ yêu cầu và mô tả vị trí việc làm trong đề án, các đơn vị thuộc trường đều có bảng phân công nhiệm vụ của đơn vị mình [H6.06.05]. Trên cơ sở đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân được phân công với tiêu chí đánh giá viên chức hằng năm, Trường các bộ phận trực tiếp đánh giá, xếp loại viên chức của đơn vị mình trình Hiệu trưởng phê duyệt [H6.06.06].	lực (KPIs) cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ, chuyên viên.	tham mưu xây dựng; dự kiến triển khai thực hiện và hoàn thành trong 6 tháng cuối năm 2026.
		Nên xây dựng quy định về việc sử dụng kết quả đánh giá viên	Mặc dù Nhà trường chưa có quy định cụ thể về việc sử dụng kết quả đánh giá viên chức để làm căn cứ xác định	Nghiên cứu bổ sung các tiêu chí xét duyệt danh sách DT,	Phòng TC & HC tham mưu rà soát, cập

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		chức để làm căn cứ xác định đầu tư đào tạo, bồi dưỡng.	đầu tư đào tạo, bồi dưỡng, nhưng việc phê duyệt danh sách đào tạo bồi dưỡng [H6.06.07 -trong kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hằng năm] được thực hiện theo quy trình cụ thể [H6.06.08]. Theo đó, Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đánh giá năng lực công tác, triển vọng nghề nghiệp của từng cá nhân và khả năng đóng góp cho sự phát triển chung của đơn vị [H6.06.09-Tờ trình của các đơn vị].	bồi dưỡng viên chức trong quy trình ĐT, bồi dưỡng (QT.TCHC-ĐT-15)	nhật quy trình; dự kiến hoàn thành trong quý IV năm 2026.
Tiêu chuẩn 7	4,00	Cần có giải pháp cho chiến lược tài chính dài hạn để tạo một cơ cấu tài chính bền vững, tăng nguồn thu từ KHCN.	Nhằm đảm bảo cơ cấu tài chính bền vững, tăng nguồn thu từ KHCN, Trường đã xây dựng đề án phát triển giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2035 [H7.07.01]. Bên cạnh đó, phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030, trong đó cụ thể cơ cấu thu-chi, đã được Nhà trường xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt [H7.07.02]. Hơn nữa, để kiểm soát, đảm bảo tính cân đối và hiệu quả của hoạt động thu-chi, quy chế chi tiêu		

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			nội bộ cũng đã được cập nhật và triển khai [H7.07.03]. Đặc biệt, nhằm hướng dẫn hoạt động NCKH, ĐMST và sở hữu trí tuệ, qua đó tăng nguồn lực triển khai và tăng nguồn thu từ KHCN nói chung, nhiều quy chế, quy định và kế hoạch trung hạn, dài hạn đã được ban hành và tổ chức thực hiện [H7.07.04].		
		Tăng cường đầu tư trang thiết bị tại phòng học đáp ứng yêu cầu của NH.	Nhìn chung, trong những năm qua, Nhà trường đã tích cực tăng cường đầu tư CSVC, hạ tầng thông tin, đặc biệt là trang thiết bị tại phòng học đáp ứng yêu cầu của NH. Cụ thể, các hoạt động cải tạo CSVC cho cả 2 cơ sở đã và đang được triển khai đồng bộ [H7.07.05]. Trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, học tập, bao gồm máy móc, thiết bị phòng TN hay hàng trăm bộ máy tính mới đã được trang bị [H7.07.06]. Ngoài ra, một số phòng đọc mới được bố trí ở cả 2 cơ sở để phục vụ nhu cầu tự học của NH	Tích cực triển khai tiếp nhận CSCV từ các BLQ theo chỉ đạo của UBND tỉnh để tăng cường năng lực hoạt động.	Phòng TC&HC; hoàn thành trong quý III năm 2026.

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			[H7.07.07]. Bên cạnh đó, trên cơ sở thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Nhà trường đang triển khai các thủ tục cần thiết để tiếp nhận hệ thống phòng học, trại thực nghiệm từ Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật và Nhà thi đấu đa năng từ Sở VH-TT-DL để phục vụ hoạt động.		
		Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện đề án Chuyển đổi số. Nâng cấp hệ thống CNTT, hệ thống wifi và tốc độ đường truyền để phục vụ tốt công tác quản lý và NH.	Giai đoạn 2024-2026, đề án chuyển đổi số đã được đẩy mạnh triển khai. Theo đó, hệ thống quản lý đào tạo, hệ thống quản lý cán bộ (MISA), hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT i-office) đã được triển khai vận hành thông suốt [H7.07.08]. Hạ tầng thông tin của Trường cũng được đầu tư, trang bị với nhiều hạng mục quan trọng như máy chủ, phòng học trực tuyến và hàng trăm bộ máy tính mới [H7.07.09]. Ngoài ra, hệ thống wifi và tốc độ đường truyền cũng được nâng cấp đảm bảo nhu cầu sử dụng trong trường [H7.07.10]. Kết		

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			quả là, 100% dữ liệu của Nhà trường được cập nhật đầy đủ trên hệ thống HEMIS, đáp ứng yêu cầu của Chuẩn CSGD.		
		Đẩy nhanh công tác số hóa giáo trình, tài liệu học tập, bài giảng và sách tham khảo tiến hành theo tiến độ và kế hoạch của Trường.	Song song với việc cải tiến CSVC, hạ tầng thông tin, Nhà trường cũng đẩy mạnh số hóa trong lĩnh vực ĐT. Cụ thể, 100% GV hiện đã xây dựng bài giảng điện tử [H7.07.11]. Tương tự, 100% giáo trình phục vụ các HP đều được cung cấp cho NH dưới dạng file pdf [H7.07.12]. Ngoài ra, như đã mô tả ở trên, trường đã xây dựng một phòng học trực tuyến chuyên dụng và tiếp tục vận hành một số phòng học trực tuyến hiện có để phục vụ học tập, nghiên cứu [H7.07.13]. Kết quả là, trong giai đoạn vừa qua, tỷ lệ học phần giảng dạy trực tuyến tăng qua từng năm [H7.07.14]. Tuy nhiên, vì một số lý do về kinh phí và chậm tiến độ chậm tiến độ của nhà thầu, hiện nay trung tâm học liệu của	Xúc tiến các BLQ đẩy mạnh triển khai Trung tâm học liệu số.	Phòng TC&HC phối hợp TT Quản trị hệ thống thông tin và Thư viện. Dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý IV năm 2026.

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			Trường hiện vẫn còn đang trong giai đoạn thi công.		
		Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường và sự an toàn; có thực hiện cải tiến phù hợp hơn với những người có nhu cầu đặc biệt.	Thực tế hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của NH về môi trường và sự an toàn là hoạt động thường niên (KS cuối khóa, KS hoạt động hỗ trợ NH), được Nhà trường tổ chức thực hiện đầy đủ, nghiêm túc [H7.07.15]. Ngoài ra, Hội nghị đối thoại hằng năm giữa Hiệu trưởng và NH cũng là kênh quan trọng để Nhà trường tiếp thu phản ánh, nhu cầu của NH nói chung [H7.07.16]. Trên cơ sở kết tiếp thu ý kiến NH, trong giai đoạn 2024-2026, Nhà trường đã có nhiều cải tiến quan trọng bao gồm cải tạo CSCV các phòng học, lắp đặt hệ thống PCCC mới và đặc biệt các khu nhà đều xây dựng thêm hành lang cho phục vụ riêng cho NH khuyết tật [H7.07.17].		
Tiêu chuẩn 8	4,00	Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định và hướng dẫn về	- Nhà trường đã chủ động rà soát, cập nhật và ban hành ban hành Quy định hoạt động quan hệ đối ngoại năm	Cập nhật Quy trình hướng dẫn đoán chuyên gia nước	Phòng QLKH&QHĐN

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		công tác đối ngoại và phổ biến các quy định và hướng dẫn về đối ngoại đến toàn thể CB và GV của Trường.	2026 (H8.08.01). Quy định này hướng dẫn về công tác đối ngoại và Quy trình quản lý các đoàn ra, đoàn vào thống nhất trong toàn trường. - Quy định mới được phổ biến rộng rãi thông qua: hệ thống quản lý văn bản của trường, các buổi họp giao ban định kỳ, và đăng tải công khai trên website trường nhằm đảm bảo cán bộ, giảng viên nắm rõ về công tác đối ngoại khi có nhu cầu triển khai thực tế (H8.08.02).	ngoài và Quy trình quản lý đoàn ra, đoàn theo quy định mới.	2026-2027
		Tăng cường triển khai các kế hoạch để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký kết.	- Hằng năm, Phòng QLKH-QHĐN đã phối hợp với các khoa chuyên ngành xây dựng Kế hoạch triển khai các thỏa thuận, hợp tác (H8.08.03). Trong giai đoạn đánh giá (2024, 2025), Nhà trường đã phối hợp với các đối tác hiện thực hóa các Bản ghi nhớ đạt tỷ lệ gần 60% hoạt động hợp tác xuyên suốt, 20% hợp tác theo vụ việc và 10% không thực hiện hợp tác.		

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			- Để cải thiện mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu và cũng nhằm khắc phục tình trạng ký Bản ghi nhớ mang tính hình thức, từ năm 2026, Nhà trường dự kiến sẽ xúc tiến thành lập các Ban chỉ đạo triển khai nội dung Bản ghi nhớ với các đối tác đã ký kết hợp tác. Nhà trường cũng định kỳ tiến hành rà soát, đơn phương chấm dứt hoặc không gia hạn các thoả thuận không hiệu quả (H8.08.04).		
		Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trao đổi học thuật, trao đổi GV, NH.	Hoạt động trao đổi học thuật đi vào chiều sâu với nhiều kết quả chuyển biến tích cực. - Trao đổi học thuật: Trường phối hợp tổ chức 03 hội thảo (Kinh tế, Nông nghiệp, Giáo dục) quy mô quốc tế giai đoạn 2024-2026 (H8.08.05). Số lượng bài báo quốc tế có sự tham gia của tác giả nước ngoài 6 bài (thống kê của năm học 2024-2025). - Trao đổi giảng viên: Tiếp nhận 01	Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên, người học	Phòng QLKH-QHĐN, Các khoa đào tạo

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			lượt chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy (H8.08.06).		
Mục 2: ĐBCL về hệ thống					
Tiêu chuẩn 9	3.83	Cơ cấu bộ máy của Tổ ĐBCL cấp trường cần được hoàn thiện. Các tổ ĐBCL cấp đơn vị (phòng/trung tâm/khoa) cần chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch ĐBCL, kế hoạch cải tiến riêng của đơn vị	Trong giai đoạn 2024-2026, song song với việc triển khai đề án cơ cấu lại bộ máy tổ chức của Trường, Hội đồng ĐBCLGD cấp trường và Tổ ĐBCL tại các đơn vị thường xuyên được rà soát, kiện toàn [H9.09.01]. Phòng ĐBCL&TT trực tiếp tham mưu xây dựng kế hoạch ĐBCL theo từng năm học của Nhà trường, trong đó nêu rõ nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể cho các đơn vị trong trường [H9.09.02]. Kế hoạch cải tiến sau ĐGN cấp CSGD do Phòng ĐBCL&TT tham mưu, trong khi cấp CTĐT do các Khoa chuyên môn xây dựng [H9.09.03].	Tiếp tục rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức của hệ thống ĐBCL bên trong.	Phòng ĐBCL&TT; Thường xuyên.
		Trường cần tổ chức họp giao ban định kỳ	Nhà trường định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban của Hội đồng ĐBCLGD	Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn	Phòng ĐBCL&TT;

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		với tất cả các tổ ĐBCL để chia sẻ kinh nghiệm ĐBCL, cải tiến theo các kết quả khảo sát, đối sánh, cải thiện mức hài lòng của các BLQ, cải thiện CTĐT, chia sẻ kinh nghiệm sau khi tham dự các hội thảo, tập huấn về ĐBCL... lấy ý kiến rộng rãi các BLQ trong quá trình rà soát các quy định, quy trình về ĐBCL Trường.	theo quy chế ĐBCLGD [H9.09.04]. Trong giai đoạn 2024-2026, nhiều hội nghị, tọa đàm và tập huấn về công tác ĐBCLGD (như hội nghị triển khai Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT, 04/2025/TT-BGDĐT, hay tập huấn sử dụng AI...) đã được triển khai [H9.09.05]. Nhiều lượt cán bộ cũng được cử tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ KĐV do CEA HCM tổ chức [H9.09.06]. Mặt khác, quá trình rà soát, điều chỉnh, cập nhật quy chế ĐBCLGD, quy định khảo sát lấy ý kiến các BLQ, quy định so chuẩn, đối sánh...đều thực hiện tham vấn ý kiến của các BLQ trong trường [H9.09.07].	nâng cao năng lực công tác ĐBCLGD, nhất là đối với đội ngũ thuộc Tổ ĐBCL tại các đơn vị.	Thường xuyên.
		Trường cần cải tiến đồng bộ hệ thống KPIs, chỉ tiêu phấn đấu thực hiện chiến lược	Để triển khai, giám sát và đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường một cách có hệ thống, đồng bộ, Bộ chỉ số hoạt động chính (KPIs) đã được ban	Đẩy mạnh cải tiến và triển khai hoạt động KĐCL nói chung.	Phòng ĐBCL&TT; Dự kiến đến cuối năm 2028

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		một cách cụ thể để dễ đo lường mức độ đạt được; cần có sự nhất quán về các KPIs trong KHCL theo giai đoạn và trong các kế hoạch ĐBCL hằng năm và đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025 theo KPIs, đối sánh kết quả thực hiện với chỉ tiêu trong KHCL.	hành và tổ chức thực hiện [H9.09.08]. Trên cơ sở đó, kế hoạch hoạt động của các đơn vị trong trường từ năm 2025 đến nay đều thiết lập các KPIs cụ thể gắn với chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị [H9.09.09]. Kết quả tổng kết hoạt động ĐBCL giai đoạn 2021-2025 cho thấy các chỉ tiêu chiến lược đối với công tác ĐBCLGD cụ thể trong KHCL cơ bản hoàn thành, ngoại trừ chỉ số về KĐCL cấp CTĐT [H9.09.10].		có ít nhất 8 CTĐT được kiểm định, đồng thời triển khai ĐGN chu kỳ 2 cấp CSGD.
Tiêu chuẩn 10	3,75	Trường cần thực hiện TĐG đồng bộ các CTĐT ở các khoa, tư vấn, giám sát, tập huấn chuyên sâu về TĐG cấp CTĐT ở các khoa để cải thiện các báo cáo TĐG, và đẩy mạnh việc triển khai ĐGN	Từ tháng 12/2024 đến tháng 12/2025 có 4 CTĐT thuộc 4 khoa chuyên môn đã hoàn thành công tác TĐG theo Thông tư 04/2025 [H10.10.01]. Trong đó, CTĐT ngành QTKD đã triển khai ĐGN với kết quả đạt có điều kiện [H10.10.02]. Để chuẩn bị cho hoạt động đánh giá chất lượng các CTĐT, trong năm	Tiếp tục triển khai ĐGN đối với các CTĐT đã hoàn thành TĐG; đẩy mạnh hoạt động TĐG với các CTĐT còn lại.	Phòng ĐBCL&TT phối hợp với các khoa chuyên môn. Dự kiến đến cuối năm 2028, 100% CTĐT của Trường

Tiêu chuẩn	Kết quả KBCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KBCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		các CTĐT, giám sát hiệu quả các hoạt động cải tiến sau TĐG ở các tổ ĐBCL thuộc các khoa.	2025, Phòng ĐBCL&TT đã tổ chức 8 buổi tập huấn về quy trình tự đánh giá, phân tích nội hàm các tiêu chí và kỹ thuật viết báo cáo TĐG cho các nhóm chuyên trách của các khoa chuyên môn [H10.10.03]. Bên cạnh đó, nhân sự Phòng ĐBCL&TT trực tiếp tham gia các Hội đồng TĐG, Ban Thư ký đề thường xuyên, kịp thời tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trong suốt quá trình triển khai TĐG [H10.10.04].		hoàn thành TĐG và có ít nhất 8 CTĐT được ĐGN.
		Trường cần cụ thể hóa quy trình TĐG theo hướng dẫn trong các công văn của Cục QLCL, BGD&ĐT theo bối cảnh của trường và văn bản hóa quy trình này, định kỳ triển khai rà soát, đánh giá quy trình này.	Để hỗ trợ tích cực cho các đơn vị thuộc trường trong triển khai TĐG, nhất là cấp CTĐT, quy trình TĐG đã được cụ thể trong quy chế ĐBCLGD [H10.10.05]. Theo đó, quy trình TĐG của Nhà trường bao gồm 4 bước từ chuẩn bị, xử lý MC, viết báo cáo đến hoàn thiện báo cáo TĐG. Ở mỗi bước trong quy trình, nhiệm vụ của Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, Nhóm chuyên trách và các đơn vị có liên quan đều được mô tả cụ thể.		

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		Trường cần cụ thể hóa và tích hợp các bước chuẩn bị ĐGN vào quy trình cải tiến sau ĐGN hoặc xây dựng riêng quy trình chuẩn bị ĐGN, tổ chức sâu rộng các cuộc họp giao ban chia sẻ kinh nghiệm giữa các tổ ĐBCL, tổ TĐG của các đơn vị trong toàn Trường, nhất là TĐG cấp CTĐT.	Bên cạnh quy trình TĐG, Điều 16 Quy chế ĐBCL của Nhà trường cũng cụ thể các vấn đề cần chuẩn bị cho hoạt động ĐGN và cải tiến sau ĐGN [H10.10.05]. Kết thúc hoạt động ĐGN CTĐT ngành QTKD vừa qua, Trường đã tổ chức Hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm, trong đó các đơn vị chia sẻ, trao đổi thuận lợi, khó khăn và kinh nghiệm chuẩn bị, đồng thời thảo luận sâu về kế hoạch cải tiến sau ĐGN [H10.10.06].	Văn bản hóa quy trình chuẩn bị ĐGN	Phòng ĐBCL&TT; Dự kiến ban hành trong quý IV năm 2026.
Tiêu chuẩn 11	3,75	Trường cần có biện pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai được đề án chuyển đổi số, đa dạng hóa việc ứng dụng CNTT trong quản lý hệ thống thông tin ĐBCL theo hướng tích hợp	Trên cơ sở triển khai đề án chuyển đổi số [H11.11.01], nhiều kế hoạch, công văn về đẩy mạnh chuyển đổi số đã được ban hành và tổ chức thực hiện [H11.11.02]. Hiện nay dữ liệu, thông tin, kết quả các mặt hoạt động của Trường đã được cập nhật đầy đủ trên hệ thống HEMIS [H11.11.03]. Việc	Tăng cường tập huấn, hướng dẫn đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số.	Trung tâm QT HTTT&TV phối hợp Phòng TC&HC; thường xuyên theo năm học.

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		nhằm hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng và thuận tiện.	cập nhật dữ liệu đội ngũ trên hệ thống quản lý công chức, viên chức (MISA) và triển khai, xử lý công việc, thực hiện ký số trên phần mềm iOffice của tỉnh [H11.11.04] cũng được triển khai đầy đủ, đồng bộ. Bên cạnh đó, Nhà trường đã đầu tư máy chủ, nâng cấp website và xây dựng hệ thống phần mềm quản lý mới [H11.11.05] nhằm tích hợp dữ liệu các mặt hoạt động, hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng và thuận tiện.		
		Trường cần xây dựng riêng quy định chi tiết về việc đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong đối với tất cả các thông tin dữ liệu của Trường.	Nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, Quy định bảo mật hệ thống thông tin ĐBCL bên trong đã được Phòng ĐBCL&TT tham mưu xây dựng và ban hành theo Quyết định số 750/QĐ-ĐHBL ngày 15/10/2025 [H11.11.06].		
		Trường cần xây dựng các quy trình tổng thể về quản lý các loại	Quy trình tổng thể về quản lý các loại thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường cũng được cụ thể trong Quy		

Tiêu chuẩn	Kết quả KBCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KBCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		thông tin ĐBCL bên trong của Trường đối với đơn vị đầu mối (TTTT-TV); thực hiện đồng bộ và sử dụng hiệu quả các dữ liệu khảo sát, đối sánh qua các năm và giữa các đơn vị để cải tiến các hoạt động của Trường.	định bảo mật hệ thống thông tin ĐBCL bên trong và quy định công khai các mặt hoạt động của Trường [H11.11.07]. Mặt khác, các dữ liệu khảo sát các BLQ và đối sánh hằng năm đều có phân tích, đánh giá, đề xuất rõ ràng [H11.11.08]. Các vấn đề cải tiến dựa trên dữ liệu khảo sát và đối sánh đều được cụ thể thành các nhiệm vụ, mục tiêu trong kế hoạch ĐBCLGD năm tiếp theo [H11.11.09].		
		Trường cần có văn bản làm rõ hoạt động phối hợp của các phòng ban, tổ ĐBCL các cấp với Trung tâm thông tin-Thư viện trong việc quản lý CSDL liên quan ĐBCL.	Nhằm làm rõ hoạt động phối hợp của các phòng ban, tổ ĐBCL các cấp với Trung tâm thông tin-Thư viện trong việc quản lý CSDL liên quan ĐBCL, bên cạnh quy định bảo mật hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, quy chế ĐBCL cũng đã được rà soát và cập nhật mới [H11.11.10].		
Tiêu	3,8	Trường cần xác định	Kết thúc hoạt động ĐGN năm 2024,	Xây dựng quy trình	Phòng

Tiêu chuẩn	Kết quả KBCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KBCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
chuẩn 12		rõ ràng, đầy đủ các chỉ tiêu/KPIs cụ thể về cải tiến các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD trong các kế hoạch nâng cao chất lượng, tăng cường nhân sự tư vấn giám sát cải tiến ở các khoa hoặc lập ban giám sát cải tiến.	Trường đã chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải tiến sau ĐGN [H12.12.01], trong đó cụ thể chỉ tiêu và yêu cầu kết quả đối với từng công việc, gắn với nhiệm vụ của từng đơn vị trong trường. Mặt khác, Hiệu trưởng giao Phòng ĐBCL&TT thực hiện giám sát, báo cáo các hoạt động cải tiến và ĐBCL của Nhà trường [H12.12.02]. Phân công nhiệm vụ của Phòng cũng cụ thể nhiệm vụ cá nhân liên quan đến ĐBCL các mặt hoạt động ĐT, NCKH và PVCD [H12.12.03].	lập kế hoạch và giám sát kế hoạch cải tiến các mặt hoạt động.	ĐBCL&TT tham mưu; năm học 2026-2027
		Trường cần xác định mở rộng việc chọn lựa các đối tác, các trường ĐH khác để đối sánh, lập danh sách các đối tác trong nước, quốc tế, làm rõ cơ sở xây dựng và điều chỉnh các nội dung đối sánh.	Trên cơ sở nâng cao chất lượng hoạt động đối sánh, năm 2025, Nhà trường đã thực hiện rà soát và ban hành mới Quy định so chuẩn, đối sánh [H12.12.04]. Theo đó, các tiêu chí lựa chọn đối tác đối sánh (trong và ngoài nước) được cụ thể tại Điều 7, chương II của quy chế. Bên cạnh đó, Điều 10 của quy chế cũng nêu rõ quy định về	Tiếp tục đa dạng hóa đối tác đối sánh; đẩy mạnh đối sánh cấp CTĐT.	Phòng ĐBCL&TT phối hợp các đơn vị có liên quan; từ năm 2026

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		Trường cần đổi mới đầy đủ tất cả các CTĐT của các khoa trong Trường; đổi mới đa dạng với trường ĐH khác, xây dựng các kế hoạch/dự án cải tiến cụ thể sau đổi mới, nhất là hoạt động tuyển sinh, đổi mới sáng tạo trong NCKH.	đổi mới ngoài cả cấp CSGD và cấp CTĐT. Thực tế, trong những năm qua, hoạt động đổi mới hoạt động đổi mới của Nhà trường được triển khai với đa dạng đổi mới trong nước [H12.12.04]. Đặc biệt, trong năm 2025 Trường đã triển khai đổi mới ngoài 4 CTĐT thuộc 4 khoa chuyên môn với 4 CTĐT thuộc các Trường Đại học Trà Vinh và Kiên Giang [H12.12.05]. Dự kiến trong năm 2026 này và các năm tiếp theo, tất cả các CTĐT của Nhà trường sẽ được thực hiện đổi mới ngoài theo quy định.		
		Trường cần thu thập, khảo sát ý kiến các BLQ và họp rút kinh nghiệm về quy trình đổi mới so sánh cũng như cải tiến quy trình chọn lựa đổi mới, nội dung thông tin đổi	Quá trình rà soát, cập nhật và ban hành mới Quy định so sánh, đổi mới năm 2025, Trường đã tiến hành tham vấn ý kiến của tất cả các đơn vị thuộc trường. Kết quả, có 9 ý kiến đóng góp (liên quan đến nội dung và quy trình so sánh, yêu cầu và quy trình đổi mới...) cho dự thảo quy chế		

Tiêu chuẩn	Kết quả KDCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KDCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		sánh để cải tiến các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.	[H12.12.06]. Các ý kiến đóng góp được tổng hợp, giải trình và báo cáo Hiệu trưởng quyết định.		
		Trường cần định kỳ cập nhật, cải tiến nội dung thu thập thông tin đối sánh nội bộ và đối sánh ngoài, tổ chức hội nghị/tọa đàm/họp chia sẻ kết quả phân tích so chuẩn và đối sánh chất lượng giữa các đơn vị/các khoa trong Trường để phục vụ cải tiến chất lượng và cải tiến các quy trình liên quan đối sánh.	Như đã nêu ở trên, nội dung đã được rà soát, cập nhật và có cải tiến cụ thể trong Quy định so chuẩn, đối sánh 2025 (ví dụ đối sánh ngoài các CTĐT). Bên cạnh đó, hằng năm Trường đều tổ chức phiên họp đối sánh giữa các đơn vị để làm cơ sở cho các hoạt động cải tiến nói chung [H12.12.07].		
Mục 3: ĐBCL về thực hiện chức					

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
năng					
Tiêu chuẩn 13	4,00	Đẩy mạnh truyền thông tuyển sinh ở các tỉnh lân cận dựa và tăng cường truyền thông tuyển sinh theo hình thức trực tuyến để phù hợp với học sinh thế hệ gen Z.	- Nhà trường đã chủ động mở rộng mạng lưới tư vấn trực tiếp ngoài tỉnh như: Cà Mau, Sóc Trăng và Kiên Giang, Cần Thơ với hàng chục trường THPT và Trung tâm GDTX [H13.13.01]. - Nhà trường đẩy mạnh các kênh truyền thông hiện đại như: Website, Facebook, Zalo phù hợp với học sinh thế hệ gen Z [H13.13.02]. Đặc biệt, việc Nhà trường phối hợp với Đại học Quốc gia – TP HCM tổ chức thành công điểm thi Đánh giá năng lực (ngày 05/4/2026) đã tạo ra một kênh truyền thông trực quan, giúp hàng ngàn học sinh THPT tiếp cận trực tiếp với không gian sư phạm của Trường [H13.13.03].	- Tiếp tục tăng cường truyền thông trực tuyến, dựng các video ngắn quảng bá trên các nền tảng Tiktok, Facebook Reels...	Phòng LKĐT, TTNNL và Tuyển sinh 2026-2027
		- Xây dựng quy định và quy trình cụ thể về kiểm tra giám sát công	Hoạt động giám sát công tác tuyển sinh và nhập học do Hội đồng tuyển sinh trực tiếp giám sát. Hằng năm, sau	Ban hành quy trình kiểm tra giám sát công tác nhập học	Phòng ĐBCL&TT 9/2026-10/2026

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		tác nhập học và tích hợp vào một văn bản của Trường.	mỗi đợt tuyển sinh, Phòng ĐBCL&TT xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác tiếp nhận hồ sơ, xét tuyển và nhập học, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và minh bạch. Tuy nhiên, Trường chưa xây dựng quy trình giám sát công tác nhập học riêng biệt [H13.13.04]		
		- Xác định các tiêu chí giám sát công tác tuyển sinh và nhập học cụ thể để triển khai phân tích, đánh giá kết quả giám sát công tác tuyển sinh theo chiều sâu.	Nhà trường đã ban hành bộ chỉ số hoạt động chính trong đó có các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học như: Quy mô tuyển sinh ≥ 600 , Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm ≥ 50 , Tỷ lệ tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm > -30 [H13.13.05]. - Các chỉ số này được nhà trường xác lập, giám sát, đánh giá hàng năm để cải tiến chất lượng [H13.13.06]. - Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm: Kết quả giám sát ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ và vượt sâu ngưỡng quy định (50%), cụ thể đạt 75,2% vào		

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			năm 2025 và tiếp tục cải tiến vượt bậc lên đến 84,6% vào năm 2026. - Tỷ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm: Quy mô tuyển sinh của Nhà trường đang phát triển bền vững và ổn định, đạt mức tăng trưởng 38,5% (năm 2025) và đạt 60,1% (năm 2026) so với các năm trước đó. - Tỷ lệ thôi học của người học: Đây là tiêu chí giám sát chất lượng nhập học hậu tuyển sinh nhằm đánh giá độ tương thích giữa công tác tư vấn hướng nghiệp và mức độ gắn kết của người học. Kết quả kiểm soát rất tốt khi tỷ lệ thôi học năm đầu luôn giữ ở mức cực thấp, chỉ 0,31% (năm 2025) và 1,03% (năm 2026), hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát an toàn của Nhà trường (ngưỡng quy định tương ứng là dưới 10%).		
		- Lấy ý kiến phản hồi của các BLQ bên ngoài	- Nhà trường đã thiết kế bộ công cụ và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của	Mở rộng khảo sát, lấy ý kiến phản hồi	Phòng LKĐT, TTNNL và

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		để có cơ sở cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học.	tân sinh viên ngay sau khi nhập học. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích để đưa vào báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh [H13.13.07]. - Thông qua các đợt đi tư vấn tuyển sinh trực tiếp, Tổ tư vấn tuyển sinh của Trường thực hiện trao đổi, thu thập thông tin từ Ban Giám hiệu, giáo viên và các em học sinh tại các trường THPT đối tác để ghi nhận nhu cầu thực tế về ngành nghề và xu hướng lựa chọn trường của học sinh.	của giáo viên, học sinh và phụ huynh tại các trường THPT.	Tuyển sinh 2026-2027
Tiêu chuẩn 14	4,00	Cần thống nhất việc trình bày văn bản và tên các văn bản liên quan đến xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT và kế hoạch triển khai.	Nhà trường đã rà soát và ban hành quy định xây dựng chương trình đào tạo bao gồm các biểu mẫu thống nhất về thể thức và bố cục [H14.14.01]. Trên cơ sở đó, Phòng QLĐT&CTSV xây dựng kế hoạch triển khai đảm bảo áp dụng đồng bộ cho tất cả các chương trình đào tạo [H14.14.02].	Tiếp tục kiểm tra, rà soát các biểu mẫu trong hồ sơ xây dựng CTĐT từ các khoa gửi lên, đảm bảo thống nhất cách trình bày.	Phòng QLĐT&CTSV 2026-2027
		Rà soát số lượng các CĐR của các CTĐT và	Năm 2024, nhà trường đã rà soát thống nhất số lượng CĐR của các		

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		HP; phát biểu CĐR của CTĐT và CĐR của HP trong các CTĐT theo hướng đảm bảo nguyên tắc SMART; phát biểu CĐR về mức tự chủ và chịu trách nhiệm đảm bảo đúng nội hàm; bổ sung CĐR cho các CTĐT năm 2022 ngành Sư phạm Toán học, Sư phạm Hoá học, Sư phạm Sinh học.	CTĐT và học phần theo nguyên tắc tinh gọn, giảm thiểu số lượng CĐR, tập trung phát biểu lại các CĐR của CTĐT và HP đảm bảo các tiêu chí SMART [H14.14.03]. Đảm bảo đúng nội hàm về mức độ tự chủ và trách nhiệm giải trình theo khung trình độ quốc gia [H14.14.04].		
		Bổ sung ma trận liên kết giữa mục tiêu ĐT với CĐR của CTĐT; CĐR của CTĐT với các HP vào tất cả các CTĐT năm 2022	Nhà trường đã yêu cầu và hướng dẫn các khoa bổ sung ma trận liên kết giữa mục tiêu ĐT và CĐR của CTĐT [H14.14.05]; ma trận CĐR CTĐT và học phần đảm bảo sự phân bổ trách nhiệm đóng góp của từng học phần đối với CĐR tổng thể khi người học tốt nghiệp [H14.14.06].		

Tiêu chuẩn	Kết quả KDCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KDCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		Tách cột “cách thức thực hiện” thành hai cột tương ứng với cách thức thực hiện của GV và NH nhằm giúp GV thuận lợi hơn khi mô tả các hoạt động dạy và học đáp ứng CĐR của HP. Mô tả hoạt động dạy và hoạt động học theo hướng gia tăng tính chọn lọc các PP dạy học thúc đẩy NH học tập tích cực và trải nghiệm vào đề cương các HP	Năm 2024, Nhà trường đã ban hành mẫu đề cương học phần mới kèm theo hướng dẫn lựa chọn các phương pháp dạy học tích cực đảm bảo hoạt động dạy học thúc đẩy người học tích cực và trải nghiệm. Ngoài ra, hoạt động của GV và SV cũng được nhóm lại theo từng nhóm tường minh, rõ ràng nhiệm vụ cụ thể để đáp ứng CĐR của học phần. Đề cương học phần được chỉnh sửa theo hướng đưa vào các phương pháp dạy học hiện đại như: dạy học theo dự án, giải quyết vấn đề, đóng vai và các hoạt động trải nghiệm thực tế [H14.14.07].		
		Thực hiện đối sánh/tham khảo các CTĐT cùng ngành với các trường ĐH ở nước ngoài trên cơ sở chú ý tới các tiêu chí về TN, SM và mục tiêu đào	Trong quá trình rà soát CTĐT, Nhà trường đối sánh tất cả các chương trình giảng dạy của mình với các trường đại học có điều kiện hoạt động giảng dạy tương đồng như: Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Cửu		

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		tạo.	Long... đề từ đó xác định những mặt tiến bộ và những hạn chế nhằm không ngừng cải tiến chương trình dạy học. Các tiêu chí đối sánh CTĐT nằm trong các phụ lục ban hành kèm theo quy định xây dựng, rà soát CTĐT của Nhà trường gồm mục tiêu ĐT, thời gian ĐT, khối lượng kiến thức toàn khoá, cấu trúc CTĐT, thực tập và khoá luận tốt nghiệp [H14.14.08].		
Tiêu chuẩn 15	4,40	Tăng cường phổ biến và đa dạng hoá các hình thức phổ biến TLGD với các BLQ, nhất là NH	BGH giao Trung tâm Quản trị hệ thống Thông tin - Thư viện phổ biến Triết lý giáo dục [H15.15.01]. Theo đó, trung tâm đã triển khai in triết lý giáo dục thành các poster treo ở các vị trí trung tâm trong trường để tất cả cán bộ, GV và SV tiện theo dõi. Những nội dung này cũng được công khai trên website của Trường để các BLQ có thể tiếp cận [H15.15.02]. Ngoài ra, đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức Tuần lễ sinh hoạt công dân – sinh viên kết hợp với các buổi họp chuyên đề	Xây dựng Kế hoạch phổ biến Triết lý giáo dục đến các bên liên quan.	Trung tâm QTHT Thông tin – Thư viện 2026-2027

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			của Khoa để phổ biến trực tiếp và giải đáp thắc mắc cho người học về chương trình đào tạo [H15.15.03].		
		Có kế hoạch và thực hiện điều chỉnh PPDH, PP KTĐG KQHT của NH dựa trên ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV.	Nhà trường định kỳ thực hiện khảo sát SV về hoạt động giảng dạy và học tập. Dựa trên kết quả khảo sát, các khoa xây dựng kế hoạch điều chỉnh phương pháp giảng dạy, cách thức truyền đạt và tổ chức học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá để phát huy tính tích cực và chủ động của người học [H15.15.04]. Nhà trường cũng tiến hành hậu kiểm thông qua hoạt động dự giờ và khảo sát lại ở học kỳ tiếp để xác nhận sự chuyển biến [H15.15.05].		
		Xây dựng kế hoạch hằng năm và tổ chức tập huấn chuyên sâu về sử dụng PPDH, PP KT ĐGKQHT theo CĐR tương ứng với các ngành đào tạo của	Trường đã phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh tổ chức chương trình Tập huấn Phương pháp dạy học tích cực và đánh giá KQHT đáp ứng CĐR CTĐT, với mục đích trang bị kiến thức, kỹ năng cho lãnh đạo khoa, lãnh đạo BM và GV trong công tác biên soạn đề cương		

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
		Trường.	chi tiết HP, thiết kế bài giảng đáp ứng CĐR, công tác kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR. Trang bị kiến thức và kỹ năng về sử dụng phương pháp dạy học tích cực, phương pháp kiểm tra, đánh giá đáp ứng CĐR các CTĐT của trường. Ngoài ra, Trong năm học 2025-2026, nhà trường đã 02 lần tổ chức hội thảo, tập huấn phương pháp ra đề thi và đo lường mức độ người học đáp ứng chuẩn đầu ra [H15.15.06].		
Tiêu chuẩn 16	4,00	Bổ sung quy định về đánh giá quá trình như số lần đánh giá, hình thức đánh giá, thời điểm công bố kết quả, hướng dẫn sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập.	Quy chế ĐT của Trường ĐHBL quy định rõ mỗi học phần thực hiện ít nhất 3 lần đánh giá, trong đó có 2 lần đánh giá quá trình và 1 lần thi kết thúc học phần (điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60% của điểm học phần) [H16.16.01]. Các kết quả kiểm tra, đánh giá được công bố, thông báo đến người học kịp thời; các trường hợp khiếu nại, phúc tra của SV được xử lý hợp lý, thỏa	Xây dựng hướng dẫn sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động giảng dạy học. Theo đó, ngay sau khi có kết quả học tập của sinh viên, giảng viên phải phân tích phổ điểm để kịp thời điều chỉnh nhịp độ,	Phòng QLĐT&CTSV 2026-2027

Tiêu chuẩn	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
			đáng, đúng quy định. Cụ thể, điều 13 của quy định thi kết thúc học phần quy định rõ trong thời hạn 7 ngày giảng viên phải hoàn thành chấm bài, nhập điểm lên hệ thống quản lý ĐT và sau 10 ngày kể từ ngày nhận bảng điểm, Phòng ĐT phải công bố kết quả thi. Đối với hình thức thi vấn đáp, thuyết trình, đồ án điểm thi được công bố ngay cho sinh viên sau mỗi buổi thi [H16.16.02].	phương pháp giảng dạy trên lớp nêu tỷ lệ bài làm dưới trung bình cao.	
		Bổ sung công cụ đánh giá (checklist, rubrics, thang điểm) tương ứng với loại hình, nội dung đánh giá trong đề cương các HP.	Đề cương chi tiết học phần có bảng tiêu chí đánh giá cho từng phương thức. Tuy trường chưa có quy định, hướng dẫn sử dụng công cụ đánh giá nhưng khi ra đề giảng viên có xây dựng đáp án hướng dẫn chấm kèm theo. Ngoài ra, đối với đánh giá giữa kỳ kỳ, chấm khoá luận tốt nghiệp nhiều giảng viên có sử dụng rubrics để chấm điểm [H16.16.03].	Cập nhật mẫu đề cương chi học phần bổ sung các công cụ đánh giá bao gồm: Bảng kiểm (Checklist) cho các bài thực hành/thí nghiệm, Tiêu chí đánh giá chi tiết (Rubrics) cho các bài tập lớn/thuyết trình/ thí nghiệm, và	Phòng QLĐT&CTSV 2026-2027

Tiêu chuẩn	Kết quả KDCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KDCLGD	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i>	Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo	Đơn vị/cá nhân, thời gian thực hiện
				Thang điểm chi tiết cho các bài thi tự luận/trắc nghiệm. Các bộ Rubrics và Checklist này được giảng viên công khai, giải thích trực tiếp cho sinh viên ngay tại buổi học đầu tiên của học phần để người học biết rõ mình cần đạt những tiêu chí nào để hoàn thành chuẩn đầu ra.	

		Thực hiện phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá NH, sự tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng đánh giá KQHT của NH.	Phần mềm Quản lý đào tạo của trường đã bổ sung chức năng phân tích phổ điểm của từng học phần. Ngoài ra, sau khi có điểm học phần, tài khoản của GV có thấy được phổ điểm (Phân theo loại giỏi, khá, trung bình...) [H16.16.04].	- Thực hiện phân tích phổ điểm, tính độ khó, độ phân hoá của các đề thi và tổng hợp kết quả theo từng ngành. - Tổ chức hội nghị chuyên đề đánh giá sự tác động của các hình thức kiểm tra đối với chất lượng học tập.	Phòng QLĐT&CTSV, Thực hiện sau mỗi kỳ thi. Các khoa, Sau mỗi kỳ thi
Tiêu chuẩn 17	3,75	Xác định cụ thể tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH.	Căn cứ yêu cầu và mô tả vị trí việc làm trong đề án, các đơn vị thuộc trường đều có bảng phân công nhiệm vụ của đơn vị mình [H17.17.01]. Bên cạnh đó, hàng năm Phòng ĐBCL&TT tổ chức khảo sát sinh viên về chất lượng phục vụ của đội ngũ hỗ trợ nhằm đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu công việc, kỹ năng hỗ trợ người học, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ và hiệu quả xử lý công việc của viên chức [H17.17.02]. Trên cơ sở đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân được phân công với tiêu chí đánh giá viên chức hằng năm và kết quả khảo sát. Trường các đơn vị sử dụng làm căn cứ đánh giá, xếp loại	Ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ người học trên cơ sở Đề án vị trí việc làm và chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.	Phòng TCHC 2026,2027

			viên chức của đơn vị mình trình Hiệu trưởng phê duyệt [H17.17.03]		
		Đa dạng các loại hình hoạt động hỗ trợ NH, nhất là các loại hình phù hợp với NH thế hệ gen Z (áp dụng khai vấn – coaching trong hoạt động hướng nghiệp, hỗ trợ giải quyết các vấn đề tâm lý...).	Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị như Phòng Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tư vấn việc làm, Phòng QLĐT&CTSV, đoàn thanh niên cùng với các khoa chuyên môn đã xây dựng nhiều kế hoạch và tổ chức nhiều hoạt động phù hợp với thế hệ gen Z, cụ thể: - Phòng KNĐMST&TVVL tập trung nâng cao kỹ năng mềm, hướng nghiệp và hỗ trợ tâm sinh lý cho sinh viên như: tập huấn kỹ tìm kiếm cơ hội việc làm, tổ chức workshop kỹ năng mềm cho sinh viên. - Bên cạnh đó, nhằm tạo ra các sân chơi lành mạnh giúp sinh viên giao lưu, rèn luyện kỹ năng tập thể và bắt nhịp với xu hướng công nghệ: thì Đoàn thanh niên đã 2 lần tổ chức thành công cuộc thi MISS BLUNI; tập huấn kỹ năng dẫn chương trình và truyền thông; tập huấn kỹ năng xây dựng tập thể, kỹ năng sinh hoạt tập thể; tổ chức cuộc thi “Sinh viên ĐHBL với chuyển đổi số và AI” nhằm nâng cao kỹ năng công nghệ và khả năng thích ứng với xu thế chuyển đổi số... - Đồng thời các khoa cũng chủ động		

			thiết kế các hoạt động gắn liền với kỹ năng nghề nghiệp và môi trường làm việc hiện đại như: tổ chức các cuộc thi học thuật và sáng tạo: “ <i>Cuộc thi thiết kế Video, clip</i> ”, “ <i>Cuộc thi làm đồ dùng dạy học</i> ”; bổ trợ các kỹ năng thực tế: Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng chụp hình, đưa tin,...[H17.17.04].		
		Xây dựng CSDL về kết quả đánh giá NH một cách hệ thống để thuận tiện và dễ dàng khai thác và phân tích sâu.	Nhà trường đã triển khai lưu trữ và quản lý dữ liệu trên phần mềm quản lý đào tạo nhằm phục vụ công tác theo dõi, tổng hợp và khai thác thông tin liên quan đến người học. Thông qua phần mềm quản lý đào tạo, các đơn vị chức năng và khoa chuyên môn thuận lợi hơn trong việc tra cứu, thống kê, phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý, đánh giá kết quả học tập, theo dõi tình hình người học cũng như xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng đào tạo và hỗ trợ người học [H17.17.05]	- Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo. Triển khai hệ thống LMS nhằm hỗ trợ quản lý, giảng dạy và học tập trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác, theo dõi và hỗ trợ người học	Phòng QLĐT-CTSV 2026,2027
		Xây dựng và triển khai thực hiện các tiêu chí đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát NH để từ đó có những cải tiến phù hợp với nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ.	Nhà trường thường xuyên tổ chức họp mặt, đối thoại với sinh viên để ghi nhận ý kiến phản hồi liên quan đến công tác quản lý, hỗ trợ học tập và các dịch vụ phục vụ NH; triển khai khảo sát sinh viên về các hoạt động hỗ trợ và mức độ hài lòng đối với các dịch vụ của Nhà trường. Kết quả khảo sát	- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học	Phòng QLĐT-CTSV 2026,2027

			được các đơn vị chuyên môn phân tích, sử dụng làm căn cứ điều chỉnh và cải tiến hoạt động phục vụ người học. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức Hội nghị Cổ vấn học tập hằng năm nhằm đánh giá hiệu quả công tác theo dõi, hỗ trợ sinh viên; đồng thời kịp thời trao đổi những khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập và rèn luyện của người học để đề xuất các giải pháp hỗ trợ phù hợp. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát và hỗ trợ người học, đáp ứng tốt hơn nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H17.17.06]		
Tiêu chuẩn 18	3,75	Có CLPT nguồn thu từ hoạt động KHCN, CGCN và thương mại hóa sản phẩm KHCN.	Nhà trường đã ban hành và triển khai Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ nhằm định hướng phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương và xã hội. Trong kế hoạch, Trường xác định các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên, tăng cường nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và từng bước thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm khoa học công nghệ [H18.18.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng Phương án tự chủ tài chính, trong đó xác định hoạt động KHCN, CGCN và dịch vụ khoa học là	- Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế, đăng ký SHTT, CGCN và thương mại hóa sản phẩm KHCN.	Phòng QLKH – QHĐN 2026,2027

			một trong những giải pháp góp phần đa dạng hóa và phát triển nguồn thu cho Trường. Các đơn vị chuyên môn được khuyến khích tăng cường kết nối với doanh nghiệp, địa phương để triển khai các đề tài nghiên cứu ứng dụng, hoạt động tư vấn, dịch vụ và chuyển giao công nghệ [H18.18.02]. Nhà trường cũng đã ban hành và hoàn thiện Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ nhằm tạo hành lang pháp lý cho việc tổ chức, quản lý và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và hợp tác nghiên cứu. Quy chế đã quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động KHCN [H18.18.03]		
		Trường cần phát triển nhóm nghiên cứu KH ứng dụng tiềm năng để tạo được nhiều các SHTT, CGCN và tăng cường các hợp tác quốc tế.	Để phát triển đội ngũ nghiên cứu và hình thành các hướng nghiên cứu trọng điểm, Nhà trường đã ban hành quy định về việc thành lập các tổ chức, nhóm nghiên cứu khoa học tiềm năng [H18.18.04]. Trên cơ sở đó, Trường đã thành lập nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực chuyên môn, góp phần tập hợp giảng viên có năng lực nghiên cứu, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu theo hướng chuyên sâu và tăng cường hợp tác khoa học	- Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu để có giải pháp hỗ trợ, điều chỉnh phù hợp với mục tiêu phát triển KHCN của Trường.	Phòng QLKH-QHĐN (Định kỳ tháng 12 hàng năm)

			[H18.18.05]		
Tiêu chuẩn 19	3,75	Đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ để cải tiến.	Nhà trường đã hoàn thành việc xây dựng Báo cáo đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ giai đoạn 2021–2025. Báo cáo này không chỉ tổng kết toàn diện những kết quả đã đạt được và chỉ rõ những mặt còn hạn chế, mà còn là cơ sở khoa học quan trọng để nhà trường đề xuất phương hướng cải tiến, nhằm tối ưu hóa và phát triển mạnh mẽ công tác này trong giai đoạn tiếp theo. [H19.19.01]	Xây dựng định kỳ hàng năm khảo sát các bên liên quan về quản lý tài sản trí tuệ	P.QLKH-QHĐN Định kỳ hàng năm
		Tiến hành khảo sát các BLQ có hệ thống, định kỳ	Nhà trường đã xây dựng và triển khai bộ phiếu khảo sát dành cho các chuyên gia nhà khoa học, giảng viên, viên chức quản lý và người học về mức độ đáp ứng, tính hiệu quả của công tác quản lý và hỗ trợ hoạt động quản lý tài sản trí tuệ của Trường [H19.19.02]		
		Xác định chỉ tiêu về SHTT chính thức trong kế hoạch hàng năm của Trường để có những chính sách đầu tư, kế hoạch cải tiến hoạt động SHTT hiệu quả.	Chỉ tiêu về số lượng SHTT đã được đưa cụ thể vào Kế hoạch hàng năm về Khoa học công nghệ của Phòng QLKGH-QHĐN. [H19.19.03]	- Đưa chỉ tiêu SHTT vào KPI đơn vị	P. QLKH-QHĐN 2026,2027
Tiêu chuẩn 20	3,75	Các mối quan hệ với các đối tác cần được rà soát, đánh giá hiệu quả	Nhà trường đã tiến hành tổng rà soát toàn bộ các Biên bản ghi nhớ và Thỏa thuận hợp tác đã ký kết với các đối tác	Thành lập và vận hành các nhóm nghiên cứu mạnh,	P. QLKH-QHĐN

		và nguồn lực mang lại để làm căn cứ cho việc điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược.	trong và ngoài nước. Qua đó, Nhà trường đã phân loại được các đối tác để tiếp tục duy trì, thúc đẩy triển khai hợp tác, đồng thời đề xuất dừng hợp tác đối với các đối tác hoạt động chưa hiệu quả nhằm tối ưu hóa nguồn lực. Kết quả rà soát và định hướng này được thể hiện rõ nét trong báo cáo về hoạt động đối ngoại hằng năm [H20.20.01]	nhóm nghiên cứu tiềm năng có sự tham gia sâu của các giáo sư, nhà khoa học nước ngoài trong các lĩnh vực trọng điểm của Trường.	2026,2027
		Cần có giải pháp tăng cường hợp tác quốc tế và phát triển nhiều về KHCN, SHTT và CGCN.	Nhà trường đã chủ động và quyết liệt triển khai nhiều kế hoạch ký kết MOU với các đối tác uy tín, đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên tham gia các hội thảo khoa học lớn trong và ngoài nước. Hoạt động này đã mang lại những chuyển biến rõ rệt, thúc đẩy mạnh mẽ các công bố quốc tế, bước đầu hình thành các dự án nghiên cứu chung và tạo tiền đề vững chắc cho việc phát triển tài sản sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ [H20.20.02]	- Cập nhật và xây dựng phân hệ quản lý đối tác trên hệ thống phần mềm dùng chung của Trường nhằm theo dõi tiến độ, sản phẩm và hiệu quả của các MOU theo thời gian thực.	P. QLKH-QHĐN 2026,2027
Tiêu chuẩn 21	3,75	Xây dựng kế hoạch tổng thể cho hoạt động PVCĐ của Trường. Có biện pháp cụ thể đẩy mạnh hoạt động PVCĐ gắn với chuyên môn của các khoa	Hằng năm nhà trường đã ban hành Kế hoạch hoạt động Kết nối và Phục vụ cộng đồng [H21.21.01]. Đồng thời, các Khoa xây dựng các chương trình hành động cụ thể gắn liền với thế mạnh chuyên môn như: “Vì môi trường xanh –sạch- đẹp”, hành trình tìm về địa chỉ đỏ, hoạt động thu gom		

			rác thải, trao đổi tọa đàm giao lưu với trợ giảng tiếng anh của CT Fulbrigt, hội thảo quốc tế “Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nuôi tôm siêu thâm canh theo hướng bền vững”..... [H21.21.02].		
		Xây dựng hệ thống đo lường (chỉ số, chỉ báo) kết quả kết nối và PVCĐ.	Hiện nay trường đã ban hành bộ chỉ số hoạt động chính (KPIs) trong đó bao gồm các chỉ số PVCĐ như “tỉ lệ kinh phí chi cho hoạt động kết nối và PVCĐ; mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối PVCĐ”... và Quy định so chuẩn đối sánh làm công cụ đo lường và đánh giá hiệu quả một cách khoa học [H21.21.03]		
		Đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ để có cơ sở rà soát và cải tiến.	Nhà trường đã tổ chức tổng kết và lấy ý kiến phản hồi từ viên chức, sinh viên về đánh giá kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ để làm căn cứ cải tiến cho năm tiếp theo [H21.21.04]	Triển khai phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị tiếp nhận về hoạt động PVCĐ.	P. QLKH-QHĐN 2026,2027
Mục 4: Kết quả hoạt động					
Tiêu chuẩn 22	4,00	Bổ sung tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học và tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp của tất	Kế hoạch đào tạo của nhà trường hằng năm đều có xác lập tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo (H22.01.01). Việc đưa	Tiếp tục thực hiện xác lập, dự báo tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học và tỷ lệ có việc làm cho	Phòng QLĐT&CTSV, Các khoa, Thường xuyên

		cả các CTĐT vào kế hoạch đào tạo hằng năm.	các chỉ số này vào kế hoạch giúp Phòng Đào tạo, Khoa chủ động theo sát chất lượng đào tạo của từng ngành, từ đó có những cảnh báo sớm về kết quả học tập cho người học nhằm giảm thiểu tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn.	tất cả các CTĐT vào kế hoạch đào tạo hằng năm Trường và Khoa đào tạo.	hàng năm
		Thực hiện đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình giữa các CTĐT của CSGD với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH ở trong nước và quốc tế.	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình hằng năm được đối sánh giữa các chương trình đào tạo trong trường và các chương trình đào tạo tương ứng của các trường đại học trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long (H22.01.02).		
		Phân tích nguyên nhân tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn ở một số lớp học còn chưa cao để có biện pháp cải tiến phù hợp.	Nguyên nhân tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn ở một số ngành như CNTT, Ngôn ngữ Anh còn chưa cao chủ yếu do các ngành học này có nhiều học phần có khó cao, sinh viên chưa đủ điểm trung bình tích lũy để ra trường. Các nguyên nhân này được phân tích và đưa ra các biện pháp cải tiến trong các cuộc họp hội đồng xét tốt nghiệp của trường (H22.22.03)		
		Xây dựng kế hoạch và thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực chuyên môn, sư	Về năng lực chuyên môn và trình độ đào tạo: Nhà trường cử viên chức – người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ. Tính đến nay, tỷ lệ giảng		

		phạm, nghiên cứu khoa học của GV để gia tăng mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng NH tốt nghiệp một cách bền vững.	viên có trình độ tiến sĩ đạt 22,54% (với 32 Tiến sĩ trên tổng số 142 giảng viên toàn thời gian), vượt ngưỡng yêu cầu của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học. Nhà trường định kỳ tổ chức các buổi tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin trong bài giảng, xây dựng đề thi theo chuẩn đầu ra và cập nhật phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm (H22.22.04). Về năng lực Nghiên cứu khoa học: Nhằm tạo động lực thúc đẩy học thuật, Nhà trường đã điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ, tăng định mức khen thưởng cho các bài báo khoa học. Thành lập các nhóm nghiên cứu nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và tăng số lượng cũng như chất lượng các công trình nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên (H22.22.05).		
Tiêu chuẩn 23	3,67	Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giải thích, khuyến khích, tạo động lực cho NH tham gia NCKH và công nghệ trong quá trình đào tạo	Nhà trường ban hành và phổ biến rộng rãi các Thông báo đăng ký đề tài NCKH dành cho sinh viên hàng năm [H23.23.01]. Công tác này được triển khai đồng bộ từ cấp Trường đến các Khoa chuyên môn, giúp người học kịp thời nắm bắt quy trình, lựa chọn hướng nghiên cứu phù hợp dưới sự dẫn dắt của giảng viên hướng dẫn. Nhà trường đã ban hành các Thông		

			báo tham gia Cuộc thi Sáng tạo Kỹ thuật cấp Tỉnh [H23.23.02] qua đó hỗ trợ kỹ thuật và kinh phí để các ý tưởng, mô hình công nghệ của sinh viên được hoàn thiện và tham gia dự thi. Để tạo động lực và nâng cao năng lực học thuật cho người học, Nhà trường đã ban hành các Thông báo mời viết bài cho Tạp chí Khoa học của Trường [H23.23.03].		
		Cần có kế hoạch và chính sách tăng số lượng đề tài/dự án NCKH ứng dụng cho NH nhằm nâng cao kỹ năng, phục vụ đào tạo và PVCĐ	Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng và ban hành Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ [H23.23.04]. Trong đó, nội dung nâng cao số lượng và chất lượng đề tài ứng dụng của người học đã được cụ thể hóa trong việc Nhà trường phê duyệt và cấp kinh phí cho các đề tài của người học có sản phẩm đầu ra rõ ràng, có thể ứng dụng trực tiếp vào thực tiễn hoặc phục vụ cộng đồng tại địa phương. Nhà trường khuyến khích và tạo cơ chế để các đề tài NCKH ứng dụng của người học được phát triển, chuyển hóa thành các đề tài khóa luận, luận văn tốt nghiệp. Về Chính sách hỗ trợ và khuyến khích, Nhà trường đã ban hành các hướng dẫn chi tiết về định mức hỗ trợ kinh phí vật tư, trang thiết bị phòng thí nghiệm và khen thưởng.... kịp thời		

			cho các nhóm nghiên cứu của NH có sản phẩm ứng dụng đạt hiệu quả cao trong công tác PVCD [H23.23.05]		
		GV, NV cần được hỗ trợ đủ để tham gia hội nghị, hội thảo và trao đổi quốc tế về NCKH nhằm thúc đẩy hoạt động hợp tác NCKH phục vụ giảng dạy, học tập, ứng dụng tài sản trí tuệ và CGCN.	Thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế hoạt động khoa học công nghệ được cập nhật định kỳ, Nhà trường đã chuẩn hóa các định mức hỗ trợ tài chính rõ ràng, minh bạch. Quy chế quy định cụ thể mức chi tài trợ (bao gồm lệ phí tham dự, chi phí đi lại, lưu trú) và chế độ khen thưởng vượt trội cho GV, NV có bài báo, công trình khoa học được báo cáo tại các hội nghị, hội thảo quốc tế uy tín [H23.23.06].		
		Trường cần trang bị phần mềm chống đạo văn nhằm rà soát tính pháp lý của SHTT. Có biện pháp để có SHTT.		Phối hợp với các phòng ban chuyên môn đẩy nhanh tiến độ số hóa dữ liệu, đồng thời tiến hành khảo sát, lựa chọn giải pháp phần mềm phù hợp để kịp thời đưa vào sử dụng trong thời gian tới.	P. QLKH-QHĐN 2026,2027
		Thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định 109/2022/NĐ-CP	Nhà trường đã thực hiện trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ hàng năm theo đúng quy định tại Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ. Cụ thể, nhà trường đã		

		ngày 30 tháng 12 năm 2022 hiệu lực ngày 1/3/2023 (thay thế Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014).	xây dựng và triển khai quyết định số 255/QĐ-ĐHBL ngày 17/4/2024 về việc quản lý và sử dụng quỹ phát triển KHCN. Việc trích lập và tạo nguồn cho Quỹ được thực hiện một cách minh bạch, đúng tiến độ [H23.23.07]		
		Thành lập đơn vị/bộ phận phụ trách khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, quản trị tài sản trí tuệ, hay khuyến khích NH thành lập các CLB khởi nghiệp, vườn ươm đổi mới sáng tạo.	Nhà trường thành lập Phòng Khởi nghiệp, Đổi mới sáng tạo và tư vấn việc làm [H23.23.08] với chức năng tổ chức thực hiện hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và tư vấn việc làm cho sinh viên và các bên liên quan		
		Nâng cao tính hệ thống, ứng dụng CNTT trong việc thu thập thông tin, phát triển CSDL các hoạt động triển khai đánh giá trong lĩnh vực NCKH, sở hữu trí tuệ và định kỳ rà soát công tác quản lý.	Nhà trường đang tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu, nâng cao tính hệ thống trong quản lý và đánh giá hoạt động KHCN. Cụ thể Nhà trường đã đưa vào vận hành ổn định Hệ thống quản lý đề tài, sáng kiến, giáo trình và lý lịch khoa học [H23.23.09]. Hệ thống này cho phép thu thập thông tin một cách hệ thống, từ khâu đăng ký, phê duyệt, theo dõi tiến độ cho đến nghiệm thu đề tài của giảng viên và người học. Đồng thời, lý lịch khoa học của đội ngũ cũng được cập nhật liên tục, tạo nguồn dữ liệu chính xác phục vụ công tác thống kê	Phối hợp với các phòng ban chuyên môn đẩy nhanh tiến độ số hóa dữ liệu, đồng thời tiến hành khảo sát, lựa chọn giải pháp phần mềm phù hợp để kịp thời đưa vào sử dụng trong thời gian tới.	P. QLKH-QHĐN 2026,2027

			và kiểm định. Ngoài ra Nhà trường triển khai Phần mềm quản lý kết quả nghiên cứu khoa học [H23.23.10] giúp tự động hóa việc tổng hợp bài báo, giải thưởng, quyền tác giả và các tài sản sở hữu trí tuệ. Bên cạnh đó, Trang thông tin và quản lý tạp chí khoa học [H23.23.11] của Trường được vận hành theo quy trình trực tuyến (từ gửi bài, phản biện, biên tập đến xuất bản), giúp nâng cao tính công khai, minh bạch và quản lý tốt kho dữ liệu bài báo khoa học nội bộ.		
Tiêu chuẩn 24	3,5	Rà soát, điều chỉnh loại hình và khối lượng hoạt động PVCĐ; đa dạng nguồn kinh phí cho hoạt động PVCĐ để đẩy mạnh và cải tiến hoạt động này.	Phòng QLKH&QHĐN đã tiến hành rà soát và ban hành Thông báo số 34 và Thông báo số 41 về báo cáo Tổng kết hoạt động kết nối và PVCĐ. Theo đó, Nhà trường đã điều chỉnh, mở rộng danh mục từ 04 mảng hoạt động (theo Kế hoạch số 532/KH-DHBL ngày 09/09/2022) lên thành 05 mảng các loại hình hoạt động PVCĐ trong mẫu đề cương mới. Sự điều chỉnh này giúp bao quát toàn diện hơn các hoạt động thực tế, định hướng rõ ràng các mũi nhọn phục vụ cộng đồng bám sát với thể mạnh của Trường Đại học Bạc Liêu [H24.24.01]. Bên cạnh đó, để điều chỉnh khối lượng và quy đổi định mức, Nhà trường đã thể chế hóa hoạt	- Định kỳ rà soát, điều chỉnh Quy định chế độ làm việc và danh mục 05 mảng hoạt động PVCĐ.	P. QLKH-QHĐN 2026,2027

			động PVCD vào chế độ làm việc của giảng viên thông qua việc ban hành Quyết định số 824/QĐ-ĐHBL ngày 28/12/2024 về Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (thay thế cho Quyết định số 694 trước đây). Tại Điều 10 của Quyết định 824, danh mục các loại hình hoạt động PVCD đã được cập nhật, bổ sung các thay đổi mới nhất; đồng thời quy định rõ ràng, hợp lý cách thức quy đổi ra giờ chuẩn đối với hoạt động PVCD và các nhiệm vụ chuyên môn khác. Việc này tạo động lực to lớn, đảm bảo quyền lợi và tính công bằng về khối lượng công việc cho đội ngũ giảng viên khi tham gia hoạt động cộng đồng [H24.24.02].		
		Xây dựng và triển khai hệ thống đo lường kết quả kết nối và PVCD nhằm giúp giám sát, đánh giá và cải tiến, đảm bảo đạt được mục tiêu chiến lược đã đề ra, phù hợp với TN và SM của Trường.	Nhà trường đã từng bước xây dựng và hoàn thiện các văn bản nền tảng, tạo cơ sở pháp lý và công cụ để đo lường hoạt động kết nối và PVCD, cụ thể: ban hành Quy định về hoạt động PVCD và Quy định về chế độ làm việc của giảng viên nhằm cụ thể hóa khối lượng và định mức quy đổi giờ chuẩn cho từng loại hình hoạt động [H24.24.03]. Trong Kế hoạch tổ chức các hoạt động kết nối và PVCD hàng năm, Nhà trường đã áp dụng các chỉ số đo lường hiệu suất (KPIs) cụ thể		

			cho từng mục tiêu [H24.24.04]. Thiết lập quy trình giám sát chặt chẽ và cơ chế báo cáo định kỳ từ cấp Khoa lên Phòng Quản lý Khoa học & Quan hệ Đối ngoại để theo dõi tiến độ thực hiện.		
		Xây dựng phương pháp đánh giá và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV của Trường.	Nhà trường đã chủ động cụ thể hóa phương pháp đánh giá tác động thông qua việc thiết kế và triển khai các bộ phiếu khảo sát ý kiến dành riêng cho các nhóm đối tượng cốt lõi bên trong Trường (bao gồm: người học, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên) liên quan đến hoạt động kết nối và PVCD. Nội dung khảo sát tập trung vào việc đo lường mức độ chuyển biến về nhận thức, sự phát triển năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm của người học, cũng như những đóng góp, trải nghiệm thực tế của đội ngũ CB, GV, NV khi tham gia vào 05 mảng hoạt động PVCD của Trường [H24.24.05].	- Xây dựng và triển khai bộ công cụ (phiếu khảo sát, phỏng vấn sâu) đánh giá mức độ hài lòng và tác động kinh tế - xã hội đối với các đơn vị thụ hưởng, chính quyền địa phương và cộng đồng người dân tại tỉnh Cà Mau và vùng ĐBSCL.	P. QLKH-QLĐN 2026,2027
		Thực hiện việc đối sánh hoạt động PVCD với các trường ĐH khác để hỗ trợ cho hoạt động cải tiến.	Nhà trường đã chủ động xác định các cơ sở giáo dục đại học có sự tương đồng về quy mô, định hướng phát triển hoặc có thế mạnh trong hoạt động phục vụ cộng đồng tại khu vực ĐBSCL và cả nước để làm đối tượng đối sánh. Đảm bảo chất lượng và Thanh tra đã chủ trì, phối hợp với các		

			đơn vị liên quan thu thập dữ liệu, phân tích và xây dựng hoàn thành Báo cáo đối sánh trong đó có hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.06].		
		Thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ để phát triển hoạt động này.	Việc triển khai cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, hiện nay Nhà trường đã thiết lập và duy trì nghiêm túc chu trình quản lý hoạt động PVCĐ định kỳ theo từng năm học. Cụ thể, hàng năm Nhà trường đều ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ để định hướng chỉ tiêu, nhiệm vụ cho các đơn vị. Vào cuối mỗi năm học, Phòng Quản lý Khoa học & Quan hệ Đối ngoại đều chủ trì tổng hợp, xây dựng Báo cáo tổng kết hoạt động kết nối và PVCĐ hàng năm [H24.24.04] nhằm đánh giá khách quan các kết quả đạt được, đo lường tỷ lệ hoàn thành các chỉ số KPIs đã đề ra, đồng thời thẳng thắn nhìn nhận các hạn chế tồn tại.		
Tiêu chuẩn 25	4,0	Tiếp tục xây dựng hệ thống lưu trữ CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Thực hiện đối sánh ngoài với các đối tác	- Hệ thống dữ liệu đánh giá các chỉ số tài chính chủ chốt được thiết lập đồng bộ với quy mô tổng thu hoạt động ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ qua các năm, cụ thể đạt 73.319 triệu đồng vào năm 2023, nâng lên 78.847 triệu đồng năm 2024 và chạm mốc 101.090 triệu đồng vào năm 2025. Song song với	Mở rộng thực hiện đối sánh ngoài với nhiều đối tác đa dạng hơn.	Phòng KH-TC 7/2026-9/2026

		đa dạng hơn. đó, tổng chi hoạt động cũng được điều tiết, giám sát chặt chẽ ở các mức tương ứng là 70.765 triệu đồng (năm 2023), 77.852 triệu đồng (năm 2024) và 100.984 triệu đồng (năm 2025), đảm bảo giữ vững biên độ chênh lệch thu chi dương ổn định qua từng năm (H25.25.01). - Các chỉ số tài chính cốt lõi được định lượng rõ ràng nhằm theo dõi sức khỏe tài chính của đơn vị, trong đó biên độ hoạt động trung bình 3 năm dịch chuyển từ 9,39% (năm 2023) xuống 7,66% (năm 2024) và đạt 1,62% vào năm 2025; đồng thời chỉ số tăng trưởng bền vững của Nhà trường liên tục cải thiện tích cực từ mức 0,027 năm 2023 lên đến 0,247 năm 2024 và duy trì ổn định ở mức 0,249 vào năm 2025. - Đối với các chỉ số thị trường, tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm tăng từ 75,2% năm 2024 lên 84,6% năm 2025; tỷ số tăng quy mô đào tạo tăng từ 38,5% lên 60,1%; tỷ lệ thôi học 7,48% và tỷ lệ thôi học đầu năm 1,03% đều nằm trong ngưỡng an toàn; tỷ lệ tốt nghiệp 79,1% và tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn 73,9% đều duy trì ở mức cao. Hơn nữa tỷ lệ có việc làm		
--	--	--	--	--

			phù hợp với chuyên ngành tăng từ 77,% năm 2024 lên 84,6% năm 2025 khẳng định chất lượng đào tạo của trường. Đối với hoạt động NCKH chỉ số số lượng bài báo (WoS, Scopus, tạp chí HDGSNN) trên mỗi giảng viên đạt 1,28 gấp 4 lần chuẩn quy định (H25.25.02). - Hoạt động đối sánh ngoài về cơ cấu nguồn thu, chi cũng được triển khai bước đầu với một số trường đại học công lập trong khu vực, từ đó giúp cải tiến quy trình quản lý và đa dạng hóa các nguồn thu hợp pháp ngoài học phí thông qua hoạt động dịch (H25.25.03).		
		Tiếp tục thực hiện khảo sát, rà soát, hoàn thiện bộ chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Hệ thống hóa hoạt động thu thập thông tin phản hồi và giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.	- Bộ chỉ số tài chính của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của nhà trường đã được Phòng ĐBCL&TT tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị trong toàn trường trước khi ban hành chính thức (H25.25.04). - Phòng Kế hoạch - Tài chính đã rà soát, bổ sung và hoàn thiện bộ chỉ số tài chính cho từng hoạt động: tỷ trọng phân bổ ngân sách/nguồn thu từ học phí đối với hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ		

HIỆU TRƯỞNG